

**BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI**

BÁO CÁO TỔNG HỢP

**ĐỀ TÀI KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN
CẤP CƠ SỞ HỖ TRỢ KINH PHÍ NĂM 2024**

**KINH NGHIỆM VỀ GIẢI QUYẾT MỐI QUAN HỆ GIỮA PHÁT TRIỂN
KINH TẾ - XÃ HỘI VỚI BẢO VỆ TÀI NGUYÊN - MÔI TRƯỜNG
TRONG QUÁ TRÌNH LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG (2011 - 2020)**

MÃ SỐ: 13.01.24.I.11

Tổ chức chủ trì: Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội

Chủ nhiệm đề tài : Vũ Thị Mạc Dung

Hà Nội - 2024

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI

BÁO CÁO TỔNG HỢP

ĐỀ TÀI KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN
CẤP CƠ SỞ HỖ TRỢ KINH PHÍ NĂM 2024

KINH NGHIỆM VỀ GIẢI QUYẾT MỐI QUAN HỆ GIỮA PHÁT TRIỂN
KINH TẾ - XÃ HỘI VỚI BẢO VỆ TÀI NGUYÊN - MÔI TRƯỜNG
TRONG QUÁ TRÌNH LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG (2011 - 2020)

MÃ SỐ: 13.01.24.I.11

CHỦ NHIỆM ĐỀ TÀI

Vũ Thị Mạc Dung

TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI
KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Lê Thị Trinh

Hà Nội - 2024

THÔNG TIN KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

1. Thông tin chung:

- Tên đề tài: Kinh nghiệm về giải quyết mối quan hệ giữa phát triển kinh tế - xã hội với bảo vệ tài nguyên - môi trường trong quá trình lãnh đạo của Đảng (2011 - 2020).

- Mã số: 13.01.24.I.11

- Chủ nhiệm đề tài: Vũ Thị Mạc Dung

- Tổ chức chủ trì: Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội

- Thời gian thực hiện: năm 2024

2. Mục tiêu:

Nghiên cứu cơ sở lý luận và thực tiễn kinh nghiệm của Đảng trong giải quyết mối quan hệ giữa phát triển kinh tế - xã hội với bảo vệ tài nguyên - môi trường (2011 - 2020). Trên cơ sở đó, rút ra một số nội dung kinh nghiệm chủ yếu góp phần giải quyết tốt giữa phát triển kinh tế - xã hội với bảo vệ tài nguyên - môi trường. Kết quả nghiên cứu nhằm phục vụ thực tiễn công tác giảng dạy của bộ môn Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam.

3. Tính mới và sáng tạo:

Luận giải được cơ sở lý luận và thực tiễn kinh nghiệm của Đảng về giải quyết mối quan hệ giữa phát triển kinh tế - xã hội với bảo vệ tài nguyên - môi trường. Làm rõ nội dung cơ bản kinh nghiệm về giải quyết mối quan hệ giữa phát triển kinh tế - xã hội với bảo vệ tài nguyên - môi trường trong quá trình lãnh đạo của Đảng (2011 - 2020).

Kết quả nghiên cứu của đề tài có giá trị tham khảo, vận dụng vào thực tiễn dạy học cho Bộ môn Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam ở Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội hiện nay và những năm tới.

4. Kết quả nghiên cứu:

Chương 1. Tổng quan về vấn đề nghiên cứu;

Chương 2. Phạm vi, đối tượng và phương pháp nghiên cứu;

Chương 3. Cơ sở lý luận và thực tiễn của việc giải quyết mối quan hệ giữa phát triển kinh tế - xã hội với bảo vệ tài nguyên - môi trường;

Chương 4. Nội dung kinh nghiệm về giải quyết mối quan hệ giữa phát triển kinh tế - xã hội với bảo vệ tài nguyên và môi trường trong quá trình lãnh đạo của Đảng (2011 - 2020).

5. Sản phẩm:

Báo cáo Tổng hợp kết quả nghiên cứu đề tài;

Báo cáo Tóm tắt kết quả nghiên cứu đề tài;

01 bài báo đăng trên Tạp chí Giáo dục và Xã hội;

6. Phương thức chuyển giao, địa chỉ ứng dụng, tác động và lợi ích mang lại của kết quả nghiên cứu:

Báo cáo kết quả nghiên cứu sẽ được chuyển giao toàn bộ cho Khoa Lý luận chính trị, Thư viện Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội.

Kết quả nghiên cứu của đề tài dùng làm tài liệu tham khảo, phục vụ thiết thực cho công tác giảng dạy, nghiên cứu, học tập của Bộ môn Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam ở Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội. Qua đó, tiếp tục đẩy mạnh đổi mới nội dung, phương pháp dạy học, góp phần nâng cao hơn nữa chất lượng dạy học của Bộ môn.

Lợi ích mang lại từ kết quả nghiên cứu là nâng cao trình độ chuyên môn và năng lực nghiên cứu khoa học của cá nhân chủ nhiệm đề tài; đồng thời góp phần đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu khoa học của Bộ môn cũng như của Khoa và Nhà trường theo hướng gắn nghiên cứu khoa học với mục tiêu đào tạo. Kết quả nghiên cứu góp phần phục vụ hoạt động chuyên môn của Bộ môn về gắn lý luận với thực tiễn, gắn nội dung chuyên môn của Bộ môn với các chương trình đào tạo của Nhà trường; trên cơ sở đó, Bộ môn có những định hướng, giải pháp cho các hoạt động chuyên môn đáp ứng được yêu cầu mới đặt ra trong công tác đào tạo của Nhà trường.

INFORMATION ON RESEARCH RESULTS

1. General information:

Project title: Experience in resolving the relationship between socio - economic development and natural resources and environment protection in the Party's leadership process (2011 -2020).

Code number: 13.01.24.I.11

Coordinator: Vu Thi Mac Dung

Implementing institution: Hanoi University of Natural Resources and Environment

Duration: 2024

2. Objective(s):

To study the theoretical basis and practical experience of the Party in resolving the relationship between socio - economic development and natural resources and environment protection (2011 - 2020). On that basis, a number of experience are drawn, mainly contributing to the good settlement between socio - economic development and natural resources and environment protection. Research results to serve the teaching practice of the History of the Communist Party of Vietnam.

3. Creativeness and innovativeness:

Explain the theoretical and practical basis of the Party's experience on resolving the relationship between socio - economic development and natural resources and environment protection. Clarifying the basis content of experiences on resolving the relationship between socio - economic development and natural resources and environment protection in the Party's leadership process (2011 -2020).

The research results of the topic are valuable for reference and application in teaching practice for the Department of History of the Communist Party of Vietnam at Hanoi University of Natural Resources and Environment today and in the coming years.

4. Research results:

Chapter 1. Overview of the research issue.

Chapter 2. Scope, objects and methods of the study.

Chapter 3. Theoretical and practical basis for resolving the relationship between socio - economic development and natural resources and environment protection.

Chapter 4. Experience in resolving the relationship between socio - economic development and natural resources and environment protection during the Party's leadership (2011 -2020).

5. Products:

Summary report on research results of the project;

Summary report of research results

01 article published on the Educational Equipment Magazine.

6. Transfer alternatives, application institutions, impacts and benefits of research results:

The research results report will be transferred in its entirety to the Department of Political Theory, Hanoi University of Natural Resources and Environment.

The research results of the topic are used as reference materials, practically serving the teaching, research and learning work of the Department of History of the Communist Party of Vietnam at Hanoi University of Natural Resources and Environment. Thereby, continuing to promote innovation in teaching methods, contributing to further improving the teaching quality of the Department.

The benefits from the research results are improving the professional qualifications and scientific research capacity of the individual in charge of the project; at the same time, it contributes to promoting scientific research activities of the Department as well as the Faculty and the University in the direction of linking scientific research with training goals. The research results contribute to serving the professional activities of the Department in terms of linking theory with the training programs of University; on that basis, the Department has orientations and solutions for professional activities to meet the new requirements set out in the training of the University.

MỤC LỤC

	Trang
MỞ ĐẦU	1
Chương 1 TỔNG QUAN VỀ VẤN ĐỀ NGHIÊN CỨU	3
1.1 Tổng quan tình hình nghiên cứu	3
1.2 Phân tích, đánh giá các công trình nghiên cứu	9
Chương 2 PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU	11
2.1 Phạm vi nghiên cứu của đề tài	11
2.2 Đối tượng nghiên cứu của đề tài	11
2.3 Phương pháp nghiên cứu và kỹ thuật sử dụng	11
Chương 3 CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN CỦA VIỆC GIẢI QUYẾT MỐI QUAN HỆ GIỮA PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VỚI BẢO VỆ TÀI NGUYÊN - MÔI TRƯỜNG	15
3.1 Cơ sở lý luận	15
3.2 Cơ sở thực tiễn	23
Chương 4 NỘI DUNG KINH NGHIỆM VỀ GIẢI QUYẾT MỐI QUAN HỆ GIỮA PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VỚI BẢO VỆ TÀI NGUYÊN - MÔI TRƯỜNG TRONG QUÁ TRÌNH LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG (2011-2020)	34
4.1 Nhận thức đúng vị trí, vai trò của việc bảo vệ tài nguyên - môi trường đối với sự phát triển kinh tế - xã hội và sự thống nhất giữa phát triển kinh tế - xã hội với bảo vệ tài nguyên - môi trường trong hoạch định đường lối của Đảng.	34
4.2 Phát huy vai trò của Nhà nước trong tổ chức thực hiện kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với bảo vệ tài nguyên - môi trường	39
4.3 Tạo sự đồng thuận xã hội, nâng cao trách nhiệm của cá nhân và các tổ chức để thực hiện kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với bảo vệ tài nguyên - môi trường	45
KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ	49
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	52

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Quá trình phát triển kinh tế - xã hội ở Việt Nam, đặc biệt thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, một mặt đã góp phần quan trọng làm thay đổi diện mạo của đất nước theo chiều hướng tiến bộ, đời sống nhân dân được cải thiện và nâng cao, vị thế Việt Nam trên trường quốc tế được khẳng định; mặt khác, phát triển kinh tế - xã hội đã có những tác động tiêu cực đến tài nguyên - môi trường. Sự cạn kiệt, suy thoái tài nguyên và ô nhiễm môi trường cũng có những tác động tiêu cực trở lại đối với sự phát triển kinh tế - xã hội và sức khỏe của cộng đồng.

Nhận thức đúng thực tiễn đặt ra, Đảng đã chủ trương đổi mới mô hình phát triển đất nước theo hướng giải quyết hài hòa mối quan hệ giữa phát triển kinh tế - xã hội với bảo vệ tài nguyên - môi trường. Thực hiện chủ trương của Đảng về phát triển kinh tế - xã hội gắn với bảo vệ tài nguyên - môi trường giai đoạn 2011 - 2020 đã đạt những kết quả quan trọng và những kinh nghiệm còn nguyên giá trị trong giai đoạn hiện nay.

Bên cạnh đó, thực tiễn quá trình giảng dạy học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam ở Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội đã đưa chủ trương của Đảng về lĩnh vực tài nguyên, môi trường vào giảng dạy. Tuy nhiên, việc phân tích, đánh giá kinh nghiệm lãnh đạo của Đảng đối với lĩnh vực tài nguyên - môi trường chưa có sự thống nhất và cũng chưa có công trình nghiên cứu kinh nghiệm của Đảng về giải quyết mối quan hệ giữa phát triển kinh tế - xã hội với bảo vệ tài nguyên - môi trường. Thực tiễn đó đòi hỏi cần có những nghiên cứu đúc kết kinh nghiệm lãnh đạo của Đảng về bảo vệ tài nguyên - môi trường trong quá trình phát triển, bảo đảm tính khoa học, nhằm phục vụ cho việc nghiên cứu, giảng dạy và học tập học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam ở Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội.

Với mong muốn góp phần luận giải và cung cấp những luận cứ khoa học và thực tiễn nêu trên để phục vụ thiết thực cho công tác giảng dạy của bộ môn, tôi chọn đề tài “Kinh nghiệm về giải quyết mối quan hệ giữa phát triển kinh tế - xã hội với bảo vệ tài nguyên - môi trường trong quá trình lãnh đạo của Đảng (2011 - 2020)” làm đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở năm 2024. Đề tài thực hiện với mong muốn có những đóng góp thiết thực trên cả phương diện lý luận và thực tiễn kinh nghiệm của Đảng về giải quyết mối quan hệ giữa phát triển kinh tế - xã hội với bảo vệ tài nguyên - môi trường, nhằm tiếp tục nâng cao chất lượng dạy học Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam theo hướng gắn với các chuyên ngành đào tạo ở Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội.

2. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của kết quả nghiên cứu

Đề tài được nghiên cứu thành công bước đầu làm sáng tỏ những vấn đề lý luận và thực tiễn của kinh nghiệm về giải quyết mối quan hệ giữa phát triển kinh tế - xã hội với bảo vệ tài nguyên - môi trường trong quá trình lãnh đạo của Đảng; góp phần tổng kết sự lãnh đạo của Đảng đối với lĩnh vực tài nguyên, môi trường, biến đổi khí hậu giai đoạn 2011 - 2020.

Nội dung kinh nghiệm được đúc kết trong đề tài có giá trị tham khảo, vận dụng vào nghiên cứu giảng dạy học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam cho sinh viên Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội.

Kết quả nghiên cứu của đề tài có thể dùng làm tài liệu tham khảo cho công tác nghiên cứu, giảng dạy, học tập Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam và các môn học có liên quan ở Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội.

CHƯƠNG 1. TỔNG QUAN VỀ VẤN ĐỀ NGHIÊN CỨU

1.1. Tổng quan tình hình nghiên cứu

Phát triển kinh tế - xã hội phải gắn với bảo vệ tài nguyên - môi trường là xu thế tất yếu hướng đến sự phát triển bền vững. Đó cũng là chủ đề được nhiều nhà lãnh đạo, nhà khoa học quan tâm, nghiên cứu. Từ các mục đích nghiên cứu và phương diện tiếp cận khác nhau đã có nhiều công trình công bố, trong số đó có thể kể đến các công trình sau:

Nhóm tác giả Ngô Thắng Lợi, Vũ Thành Hương với cuốn sách chuyên khảo *Phát triển bền vững ở Việt Nam trong bối cảnh mới của toàn cầu hóa, hội nhập quốc tế và biến đổi khí hậu* [20] đã cung cấp kiến thức cơ bản về cơ sở lý luận và kinh nghiệm quốc tế về phát triển bền vững. Cuốn sách đã nêu rõ, sự phát triển phải dựa trên ba trụ cột bền vững là Kinh tế - Xã hội - Môi trường. Ba yếu tố đó có mối quan hệ chặt chẽ, tác động qua lại và ảnh hưởng lẫn nhau; phát triển kinh tế phải đồng thời thực hiện tiến bộ xã hội và bảo vệ tài nguyên - môi trường. Trên cơ sở đó, công trình đã đánh giá thực trạng phát triển bền vững của Việt Nam trên cả ba tiêu chí về tăng trưởng kinh tế, về thực hiện tiến bộ xã hội, về bảo vệ tài nguyên - môi trường và những vấn đề cấp bách đặt ra. Đáng chú ý, cuốn sách đã dành 6 trang (từ tr.144 đến tr.149) đề cập đến quá trình hoàn thiện quan điểm và chính sách của Đảng và Nhà nước về phát triển bền vững trong quá trình công nghiệp hóa.

Phạm Ngọc Đăng cùng tập thể tác giả với cuốn sách *Môi trường và phát triển trong bối cảnh biến đổi khí hậu* [12] đã nêu tóm tắt hiện trạng về bảo vệ tài nguyên - môi trường và chỉ ra những thách thức chính đối với lĩnh vực tài nguyên - môi trường trong quá trình phát triển đất nước đặc biệt là quá trình phát triển kinh tế - xã hội. Thực tế quá trình phát triển kinh tế - xã hội đã có những tác động tiêu cực đến lĩnh vực tài nguyên - môi trường, đòi hỏi phải có sự điều chỉnh trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội nhằm giảm thiểu tác

động làm cạn kiệt tài nguyên, suy thoái môi trường. Trên cơ sở đó, nhóm tác giả đã đề xuất những giải pháp thiết thực, khả thi để góp phần bảo vệ môi trường, quản lý tốt việc khai thác sử dụng hiệu quả tài nguyên, ứng phó với biến đổi khí hậu trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội, nhằm hướng đến tăng trưởng xanh và phát triển bền vững đất nước.

Luận án tiến sĩ *Vai trò của Nhà nước đối với việc bảo vệ môi trường trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn ở Việt Nam hiện nay* của tác giả Lê Thị Thanh Hà [13], nhìn từ góc độ triết học, luận án đã làm rõ lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và Đảng Cộng sản Việt Nam về vai trò của Nhà nước đối với việc bảo vệ môi trường trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn ở Việt Nam. Đánh giá thực trạng vai trò quản lý của Nhà nước trong bảo vệ môi trường, chỉ ra nguyên nhân của thực trạng làm cơ sở để đề xuất một số giải pháp cơ bản nhằm nâng cao vai trò quản lý của Nhà nước Việt Nam đối với việc bảo vệ môi trường trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn.

Luận án tiến sĩ *Vai trò của Nhà nước trong việc kết hợp giữa tăng trưởng kinh tế với bảo vệ môi trường sinh thái ở nước ta hiện nay* của tác giả Nguyễn Thị Khương [18], đã làm rõ sự cần thiết phải kết hợp giữa tăng trưởng kinh tế với bảo vệ môi trường sinh thái ở Việt Nam; những vấn đề đặt ra cần phải nâng cao vai trò của Nhà nước trong việc thực hiện kết hợp giữa tăng trưởng kinh tế với bảo vệ môi trường sinh thái thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Từ những phân tích thực tế, tác giả đã đề xuất một số giải pháp chủ yếu nhằm nâng cao vai trò của quản lý nhà nước trong việc kết hợp giữa tăng trưởng kinh tế với bảo vệ môi trường sinh thái thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam trong giai đoạn hiện nay.

Luận án tiến sĩ *Phát triển kinh tế gắn với bảo vệ môi trường ở Việt Nam* của tác giả Nguyễn Đức Hà [14] đã giải quyết vấn đề từ phương diện kinh tế chính trị. Luận án phân tích, làm rõ đặc điểm, nội dung phát triển kinh tế gắn với bảo vệ

môi trường ở Việt Nam; khái niệm, đặc điểm của tăng trưởng kinh tế, phát triển kinh tế, môi trường, bảo vệ môi trường của Việt Nam trong giai đoạn từ năm 2001 đến năm 2014 ở Việt Nam. Trên cơ sở đó, luận án đã luận giải sâu sắc về khái niệm, nội dung và tiêu chí đánh giá sự phát triển kinh tế gắn với bảo vệ môi trường của Việt Nam trong giai đoạn hiện nay.

Tác giả Nguyễn Hữu Sở với luận án *Phát triển kinh tế bền vững ở Việt Nam* [28]. Công trình nghiên cứu đã xoay quanh vấn đề phát triển kinh tế bền vững. Trong đó, luận án nhấn mạnh đến khả năng phát triển liên tục, lâu dài, không gây ra những hậu quả tai hại khó khôi phục ở những lĩnh vực khác, nhất là thiên nhiên và xã hội. Phát triển kinh tế mà hủy hoại đến môi trường là phát triển không bền vững. Phát triển mà chỉ dựa vào lượng tài nguyên sẵn có là phát triển không thể lâu dài. Tác giả cũng nêu lên quan điểm cho rằng, phát triển kinh tế mà để phụ thuộc quá nhiều vào ngoại lực (FDI) cũng là khó bền vững, vì nguồn ấy có nhiều rủi ro, không chắc chắn. Hai thành tố nòng cốt của phát triển là văn hóa và xã hội. Để chuyển hóa khái niệm phát triển kinh tế bền vững từ cấp độ lý thuyết áp dụng vào thực tiễn, khái niệm cần được làm sáng tỏ sau đó áp dụng trực tiếp đối với các lĩnh vực khác nhau của đời sống kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội ở Việt Nam.

Tác giả Vũ Văn Hiền với bài viết “Phát triển bền vững ở Việt Nam” [17], đã phân tích và làm rõ nội hàm khái niệm phát triển bền vững thuộc ba lĩnh vực gồm bền vững về kinh tế, bền vững về xã hội và bền vững về môi trường. Từ đó, tác giả nêu khái quát chủ trương của Đảng và chính sách của Nhà nước về phát triển bền vững thông qua Chiến lược phát triển bền vững của Việt Nam; đồng thời, bước đầu đưa ra một số đánh giá về kết quả thực hiện phát triển bền vững và những vấn đề đặt ra cần được giải quyết, trong đó vấn đề đáng quan tâm là giải mối quan hệ của ba lĩnh vực kinh tế - xã hội - môi trường cho sự phát triển bền vững. Để giải quyết những vấn đề đặt ra, bài viết đã đề xuất ba khâu đột phá cho sự phát triển bền vững ở Việt Nam.

Tác giả Lê Quốc Lý với bài viết “Tiêu chí và giải pháp cơ bản phát triển bền vững ở nước ta” [21], đã luận giải phát triển bền vững là phải đạt được: Tăng trưởng kinh tế, tiến bộ và công bằng xã hội trong môi trường sống xanh, sạch, đẹp. Trong đó, tăng trưởng kinh tế là điều kiện cần, tiến bộ và công bằng xã hội cùng với môi trường sống xanh, sạch, đẹp là điều kiện đủ để bảo đảm cho tăng trưởng kinh tế cao và duy trì được thành quả của tăng trưởng kinh tế vì mục tiêu con người. Đồng thời, tác giả đã đưa ra những chỉ tiêu đánh giá phát triển bền vững và đề xuất các giải pháp chủ yếu, thiết thực và các giải pháp đó cần nỗ lực thực hiện nhằm phát triển đất nước theo hướng bền vững.

Tác giả Mai Hoàng Thịnh với bài viết “Phân tích mối quan hệ giữa môi trường và phát triển kinh tế ở Việt Nam” [30]. Tác giả cho rằng, phát triển kinh tế xã hội là quá trình nâng cao điều kiện sống về vật chất và tinh thần của con người qua việc sản xuất ra của cải vật chất, cải tiến quan hệ xã hội, nâng cao chất lượng văn hóa. Tuy nhiên trước những biến đổi theo chiều hướng xấu của môi trường trong thời gian gần đây đã đặt ra vấn đề cần có những giải pháp khắc phục kịp thời để hướng đến một nền kinh tế phát triển bền vững. Bài viết đã nêu ra tám giải pháp cơ bản để bảo vệ môi trường trong quá trình phát triển kinh tế ở Việt Nam hiện nay.

Ở một cách tiếp cận khác từ phương diện văn hóa, tác giả Nguyễn Thị Loan Anh với bài viết “Phát triển bao trùm nhằm phát triển bền vững ở Việt Nam hiện nay” [1] cho rằng, phát triển bao trùm và phát triển bền vững có sự gắn kết chặt chẽ với nhau. Trong đó, phát triển bao trùm là nhằm bảo đảm phát triển bền vững của đời sống xã hội và tất cả mọi người. Đó là sự gắn kết phát triển kinh tế, xã hội, văn hóa và môi trường. Muốn phát triển bao trùm cần phải phát triển bền vững cả về kinh tế, xã hội, văn hóa, con người và môi trường. Trên cơ sở đó, bài viết đánh giá tình hình phát triển bao trùm nhằm phát triển bền vững ở Việt Nam trong những năm gần đây và khái quát phương hướng thúc đẩy phát triển bao trùm nhằm phát triển bền vững trong những năm tới.

Tác giả Nguyễn Việt Thanh với bài viết “Quan điểm của Đảng về bảo vệ môi trường vì sự phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc” [29]. Bài viết khẳng định, theo quan điểm của Đảng, bảo vệ môi trường là một nội dung, biện pháp quan trọng bảo đảm cho sự phát triển bền vững của đất nước và vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh. Bài viết làm rõ quan điểm, đường lối của Đảng; thực trạng và đề xuất một số giải pháp bảo vệ môi trường vì sự phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc.

Tác giả Đoàn Thế Hanh với bài viết “Phát triển bền vững, đảm bảo môi trường sống trong lành cho các thế hệ hiện tại và tương lai - Vấn đề cần được quan tâm trong bài viết “Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về CNXH và con đường đi lên CNXH ở Việt Nam” của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng” [16]. Bài viết khẳng định, vấn đề bảo vệ môi trường được Đảng và Nhà nước xác định là một trong ba trụ cột (kinh tế - xã hội - môi trường) để đất nước phát triển nhanh, bền vững. Quan điểm gắn phát triển kinh tế - xã hội với bảo vệ môi trường của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng là tiếp tục phát triển, bổ sung quan điểm của Đảng trong hành trình 36 năm đổi mới để bảo đảm môi trường sống trong lành cho các thế hệ hiện tại và tương lai.

Nhóm tác giả Nguyễn Thị Miên, Trần Thị Tuyết Lan với bài viết “Bảo đảm an ninh môi trường để phát triển bền vững kinh tế Việt Nam” [22]. Bài viết khẳng định, ở Việt Nam, bên cạnh kết quả đạt được về phát triển kinh tế, tình trạng tài nguyên thiên nhiên bị khai thác cạn kiệt, thiên tai thường xuyên xảy ra, đa dạng sinh học bị suy giảm, ô nhiễm môi trường và biến đổi khí hậu... tiếp tục diễn biến phức tạp, nhất là ở những nơi tập trung các hoạt động kinh tế. Tình trạng này đã và đang tác động tiêu cực đến sự phát triển bền vững của nền kinh tế, cần có các giải pháp nhằm bảo đảm an ninh môi trường để kinh tế nước ta phát triển bền vững trong thời gian tới. Nhóm tác giả đã đưa ra bốn giải pháp nhằm bảo đảm an ninh môi trường để phát triển bền vững kinh tế Việt Nam thời gian tới.

Tác giả Trần Quang Phú với bài viết *Thúc đẩy tăng trưởng kinh tế xanh trong ngành công nghiệp ở Việt Nam* [27], đã phân tích, đánh giá việc thực hiện tăng trưởng kinh tế xanh trong công nghiệp ở Việt Nam - đó là sự kết hợp chặt chẽ, hài hòa giữa phát triển kinh tế - xã hội với bảo vệ môi trường; từ đó đề xuất giải pháp thúc đẩy tăng trưởng kinh tế xanh trong ngành công nghiệp Việt Nam, góp phần đưa đất nước phát triển theo hướng bền vững.

Bài viết *Thúc đẩy hoạt động logistics xanh phục vụ mục tiêu phát triển kinh tế bền vững tại Việt Nam* của tác giả Nguyễn Văn Long, Đỗ Mạnh Hiên [19]. Bài viết đã tiếp cận từ góc độ hướng đến phát triển logistics xanh ở Việt Nam với nhiều lợi ích như giảm chi phí, tiết kiệm năng lượng và ngăn ngừa tác hại đến môi trường. Từ những phân tích đó, tác giả đã đưa ra một số khuyến nghị triển khai hiệu quả hoạt động logistics xanh trong doanh nghiệp cũng như nền kinh tế của Việt Nam.

Bài viết *Chính sách công nghiệp xanh hướng tới sự phát triển bền vững ở Việt Nam* của tác giả Hoàng Ngọc Hải [15]. Theo tác giả, công nghiệp xanh đang trở thành xu hướng phát triển đem lại hiệu quả trong tăng trưởng kinh tế, giải quyết các vấn đề xã hội và khắc phục hậu quả của ô nhiễm môi trường. Trong thời gian tới, Việt Nam cần đặc biệt quan tâm phát triển công nghiệp xanh, bảo đảm quá trình thực hiện có thể tối ưu hóa hiệu quả lợi ích từ cấp địa phương đến toàn bộ nền kinh tế, hướng tới sự phát triển bền vững; bảo đảm tối ưu hóa lợi ích từ cấp địa phương đến toàn bộ nền kinh tế của đất nước.

Các công trình của các nhà khoa học đã quan tâm sâu sắc đối với vấn đề phát triển kinh tế - xã hội và bảo vệ tài nguyên - môi trường. Ngoài những công trình khoa học nói trên còn có nhiều công trình khác bàn về phát triển kinh tế - xã hội và bảo vệ tài nguyên - môi trường đã được công bố. Nhưng do giới hạn (thời gian, dung lượng) của một đề tài cấp cơ sở nên tác giả lựa chọn một số công trình trên để tổng quan và chỉ ra những khoảng trống cần nghiên cứu, từ đó xác định những nội dung nghiên cứu của đề tài.

1.2. Phân tích, đánh giá các công trình nghiên cứu

Qua tổng quan tình hình nghiên cứu cho thấy: Các nhà khoa học, các nhà quản lý rất quan tâm đến vấn đề phát triển kinh tế - xã hội gắn với bảo vệ tài nguyên - môi trường hướng đến phát triển bền vững đất nước; có nhiều công trình nghiên cứu được tiếp cận từ nhiều phương diện khác nhau đã được công bố. Trong đó, một số công trình cũng đã đề cập đến chỉ thị, nghị quyết, văn kiện của Đảng về phát triển kinh tế - xã hội gắn với bảo vệ tài nguyên - môi trường và khẳng định đó là những định hướng của Đảng đưa đất nước đến sự phát triển bền vững. Tuy nhiên, do mục đích nghiên cứu khác nhau nên, chủ yếu những chủ trương, quan điểm của Đảng về phát triển kinh tế - xã hội gắn với bảo vệ tài nguyên - môi trường mới chỉ được đề cập đến với tư cách là định hướng hoặc thống kê theo hệ thống cho mục đích nghiên cứu của công trình.

Trên phương diện tiếp cận từ khoa học Lịch sử Đảng đến nay chưa có công trình nào nghiên cứu một cách hệ thống về kinh nghiệm của Đảng trong lãnh đạo phát triển kinh tế - xã hội gắn với bảo vệ tài nguyên - môi trường. Các công trình mới chỉ dừng lại ở các bài báo trình bày quan điểm của Đảng về phát triển kinh tế - xã hội gắn với bảo vệ tài nguyên - môi trường qua các kỳ đại hội; đánh giá thực tiễn phát triển đất nước về sự hài hòa, hợp lý trên cả ba phương diện kinh tế, xã hội và môi trường; cần tăng cường hơn nữa vai trò lãnh đạo đúng đắn, kịp thời của Đảng; tăng cường vai trò quản lý của Nhà nước đối với phát triển kinh tế - xã hội gắn với bảo vệ tài nguyên - môi trường ở Việt Nam trong bối cảnh hội nhập quốc tế và biến đổi khí hậu. Từ tổng quan tình hình nghiên cứu và thực tiễn đặt ra đối với phát triển kinh tế - xã hội gắn với bảo vệ tài nguyên - môi trường, đòi hỏi các nhà khoa học phải tăng cường hơn nữa những nghiên cứu mang tính tổng kết, đánh giá sự lãnh đạo của Đảng về phát triển kinh tế - xã hội gắn với bảo vệ tài nguyên - môi trường, đúc rút ra những kinh nghiệm, phân tích rõ cơ sở hình thành và nội dung kinh nghiệm làm cơ sở để Đảng tiếp tục hoàn thiện lý luận về phát triển kinh tế - xã hội gắn với bảo vệ

tài nguyên - môi trường, từ đó đưa ra những chủ trương, chính sách đúng đắn cho sự phát triển bền vững đất nước trong giai đoạn hiện nay.

Qua tổng quan các công trình nghiên cứu có liên quan đến đề tài cho thấy, các công trình trên chưa đề cập đến các vấn đề sau: *Một là*, chưa có công trình nào đi sâu nghiên cứu một cách hệ thống về cơ sở hình thành kinh nghiệm của Đảng đối với sự phát triển kinh tế - xã hội gắn với bảo vệ tài nguyên - môi trường. *Hai là*, chưa có công trình nào đi sâu nghiên cứu có hệ thống nội dung kinh nghiệm của Đảng về phát triển kinh tế - xã hội gắn với bảo vệ tài nguyên - môi trường để có thể vận dụng vào thực tiễn. *Ba là*, cho đến nay chưa có công trình nghiên cứu nào mang tính toàn diện, sâu sắc kinh nghiệm của Đảng trong lãnh đạo phát triển kinh tế - xã hội gắn với bảo vệ tài nguyên - môi trường cho một giai đoạn nhất định. Do đó, đây là những “khoảng trống” để tác giả đi sâu nghiên cứu và làm rõ kinh nghiệm của Đảng về phát triển kinh tế - xã hội gắn với bảo vệ tài nguyên - môi trường giai đoạn 2011 - 2020 mà không trùng lặp với các công trình đã công bố.

Đề tài tập trung nghiên cứu làm rõ những nội dung chủ yếu sau:

Một là, cơ sở lý luận và thực tiễn của việc giải quyết mối quan hệ giữa phát triển kinh tế - xã hội với bảo vệ tài nguyên - môi trường;

Hai là, nội dung kinh nghiệm về giải quyết mối quan hệ giữa phát triển kinh tế - xã hội với bảo vệ tài nguyên - môi trường trong quá trình lãnh đạo của Đảng (2011 - 2020).

CHƯƠNG 2. PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Phạm vi nghiên cứu của đề tài

- *Về nội dung*: Nghiên cứu làm rõ cơ sở lý luận và thực tiễn của việc giải quyết mối quan hệ giữa phát triển kinh tế - xã hội với bảo vệ tài nguyên - môi trường; đúc kết và phân tích nội dung kinh nghiệm về giải quyết mối quan hệ giữa phát triển kinh tế - xã hội với bảo vệ tài nguyên - môi trường trong quá trình lãnh đạo của Đảng (2011 - 2020).

- *Về thời gian*: Giới hạn trong 10 năm (2011 - 2020) vì đây là giai đoạn thực hiện chủ trương của Đảng về giải quyết mối quan hệ giữa phát triển kinh tế - xã hội với bảo vệ tài nguyên - môi trường đạt được những kết quả quan trọng để lại kinh nghiệm quý, có ý nghĩa trong giai đoạn hiện nay. Tuy nhiên, để đảm bảo tính hệ thống và đạt được mục tiêu nghiên cứu, đề tài có đề cập đến khoảng thời gian trước và sau thời gian trên.

- *Về không gian*: Phát triển kinh tế - xã hội gắn với bảo vệ tài nguyên - môi trường ở Việt Nam.

2.2. Đối tượng nghiên cứu của đề tài

Kinh nghiệm của Đảng về giải quyết mối quan hệ giữa phát triển kinh tế - xã hội với bảo vệ tài nguyên - môi trường.

2.3. Phương pháp nghiên cứu và kỹ thuật sử dụng

2.3.1. Cách tiếp cận

Đề tài tiếp cận, giải quyết vấn đề trên phương diện khoa học Lịch sử Đảng; căn cứ cơ sở lý luận và thực tiễn quá trình lãnh đạo của Đảng trong phát triển kinh tế - xã hội và bảo vệ tài nguyên - môi trường để hệ thống hóa và đúc rút những nội dung cơ bản của kinh nghiệm về giải quyết mối quan hệ giữa phát triển kinh tế - xã hội với bảo vệ tài nguyên - môi trường trong quá trình lãnh đạo của Đảng từ năm 2011 đến năm 2020.

2.3.2. Phương pháp nghiên cứu

2.3.2.1. Phương pháp luận chung

Để thực hiện đề tài, tác giả vận dụng phương pháp luận của chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử để nghiên cứu là rõ cơ sở lý luận và thực tiễn của việc giải quyết mối quan hệ giữa phát triển kinh tế - xã hội với bảo vệ tài nguyên - môi trường ở Việt Nam và sự tác động qua lại giữa chúng; đúc kết và phân tích nội dung kinh nghiệm về giải quyết mối quan hệ giữa phát triển kinh tế - xã hội với bảo vệ tài nguyên - môi trường trong quá trình lãnh đạo của Đảng giai đoạn 2011 - 2020.

2.3.2.2. Phương pháp chuyên ngành

Đề tài được triển khai thực hiện trên cơ sở sử dụng phương pháp lịch sử và phương pháp logic là chủ yếu nhằm trình bày nội dung vấn đề nghiên cứu theo thời gian và khái quát, hệ thống, luận giải nội dung nghiên cứu của đề tài bảo đảm tính logic và khoa học.

Mục tiêu và nội dung nghiên cứu của đề tài có liên quan đến nhiều ngành, nhiều lĩnh vực nên đề tài còn sử dụng kết hợp với các phương pháp nghiên cứu liên ngành, chuyên ngành như: Phương pháp thống kê, phân tích - tổng hợp, so sánh, khái quát, trên tinh thần lý luận kết hợp với thực tiễn để làm sáng tỏ vấn đề nghiên cứu; đúc kết kinh nghiệm của Đảng trong lãnh đạo phát triển kinh tế - xã hội với bảo vệ tài nguyên - môi trường giai đoạn 2011 - 2020.

Cách sử dụng các phương pháp cụ thể:

- Phương pháp lịch sử và phương pháp logic để tiếp cận, giải quyết vấn đề trên phương diện khoa học Lịch sử Đảng; căn cứ các văn kiện, nghị quyết, chỉ thị, kết luận của Đảng về phát triển kinh tế - xã hội gắn với bảo vệ tài nguyên - môi trường, luận giải kết quả thực hiện chủ trương theo tiến trình lịch sử qua các kỳ Đại hội của Đảng, chủ yếu tập trung ở Đại hội XI và Đại hội XII, từ đó chỉ ra được sự tác động từ thực tiễn quá trình phát triển kinh tế - xã hội đến việc bảo vệ tài nguyên - môi trường và ngược lại, nhằm cung cấp những luận cứ khoa học về mối quan hệ giữa phát triển kinh tế - xã hội với bảo vệ tài nguyên - môi

trường trên phương diện khoa học Lịch sử Đảng; xác định các nội dung kinh nghiệm của Đảng về phát triển kinh tế - xã hội với bảo vệ tài nguyên - môi trường vào thực tiễn giảng dạy học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam cho phù hợp với từng chuyên ngành đào tạo của Nhà trường.

- Phương pháp phân tích - tổng hợp được sử dụng trong xử lý các tài liệu, số liệu có liên quan đến đề tài để làm cơ sở nghiên cứu, phân tích cơ sở lý luận và thực tiễn của việc giải quyết mối quan hệ giữa phát triển kinh tế - xã hội với bảo vệ tài nguyên - môi trường ở Việt Nam; tổng hợp thực tiễn việc thực hiện chủ trương của Đảng về giải quyết mối quan hệ giữa phát triển kinh tế - xã hội với bảo vệ tài nguyên - môi trường để đúc kết những nội dung cơ bản về kinh nghiệm lãnh đạo của Đảng trong giải quyết mối quan hệ giữa phát triển kinh tế - xã hội với bảo vệ tài nguyên - môi trường trong những năm 2011 - 2020.

- Phương pháp so sánh được sử dụng để so sánh sự lãnh đạo của Đảng về phát triển kinh tế - xã hội gắn với bảo vệ tài nguyên - môi trường qua hai nhiệm kỳ Đại hội (2011 - 2015 và 2016 - 2020) nhằm đánh giá được những thành tựu, hạn chế và những bước phát triển trong nhận thức của Đảng, làm cơ sở để đúc kết những nội dung kinh nghiệm trong quá trình lãnh đạo giải quyết mối quan hệ giữa phát triển kinh tế - xã hội với bảo vệ tài nguyên - môi trường.

- Phương pháp thống kê được sử dụng trong nghiên cứu các văn bản, nghị quyết của Đảng, thống kê và xử lý các số liệu trong quá trình thực hiện phát triển kinh tế - xã hội gắn với bảo vệ tài nguyên - môi trường ở Việt Nam từ năm 2011 đến năm 2020, tạo cơ sở dữ liệu làm căn cứ để phân tích, luận giải cơ sở lý luận và thực tiễn của việc giải quyết mối quan hệ giữa phát triển kinh tế - xã hội với bảo vệ tài nguyên - môi trường ở Việt Nam; từ đó đúc kết những nội dung kinh nghiệm lãnh đạo của Đảng về phát triển kinh tế - xã hội gắn với bảo vệ tài nguyên - môi trường có thể tham khảo, vận dụng vào thực tiễn phát triển kinh tế - xã hội gắn với bảo vệ tài nguyên - môi trường ở nước ta hiện nay và những năm tới.

- Phương pháp khái quát được sử dụng để nghiên cứu và xem xét lại những thành quả thực tiễn đạt được trong quá trình lãnh đạo của Đảng về giải quyết mối quan hệ giữa phát triển kinh tế - xã hội với bảo vệ tài nguyên - môi trường trong những năm 2011 - 2020 để đúc kết hệ thống nội dung kinh nghiệm của Đảng về phát triển kinh tế - xã hội gắn với bảo vệ tài nguyên - môi trường cho thực tiễn và khoa học

CHƯƠNG 3. CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN CỦA VIỆC GIẢI QUYẾT MỐI QUAN HỆ GIỮA PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VỚI BẢO VỆ TÀI NGUYÊN - MÔI TRƯỜNG

3.1. Cơ sở lý luận

3.1.1. Khái lược nhận thức của xã hội loài người về mối quan hệ giữa con người với tự nhiên

Phát triển là xu thế chung của từng cá nhân và cả loài người trong quá trình sống. Phát triển kinh tế - xã hội chính là quá trình nâng cao điều kiện sống cả về vật chất và tinh thần của con người thông qua các hoạt động sản xuất ra của cải vật chất, cải tiến quan hệ xã hội, nâng cao chất lượng văn hoá.

Môi trường là điều kiện và không gian sống của con người. Giữa môi trường và sự phát triển kinh tế - xã hội có mối quan hệ hết sức chặt chẽ: Môi trường là địa bàn và đối tượng của sự phát triển kinh tế - xã hội, còn phát triển kinh tế - xã hội là nguyên nhân tạo nên các biến đổi của môi trường và sự suy thoái, cạn kiệt tài nguyên.

Tác động của hoạt động phát triển kinh tế - xã hội đến tài nguyên - môi trường ở khía cạnh có lợi là cải tạo môi trường tự nhiên hoặc tạo ra kinh phí cần thiết cho quá trình cải tạo đó, nhưng đồng thời có thể gây ra ô nhiễm môi trường tự nhiên, suy thoái, cạn kiệt tài nguyên thiên nhiên. Trong quá trình phát triển của xã hội loài người, mối quan hệ đó đã hình thành nên những nền văn minh của nhân loại như: Nền văn minh Maya, nền văn minh Hy Lạp cổ đại, nền văn minh lúa nước, nền văn minh sông Hồng... Tuy nhiên, những tác động tiêu cực của quá trình phát triển kinh tế - xã hội đến tài nguyên - môi trường tự nhiên đã làm suy thoái, cạn kiệt nguồn tài nguyên thiên nhiên, nhiễm môi trường tự nhiên, gây ra những thảm hoạ, thiên tai đối với các hoạt động phát triển kinh tế - xã hội. Sự cạn kiệt tài nguyên thiên nhiên, ô nhiễm môi trường là nguyên nhân tàn phá nền văn minh nhân loại, làm mất nền văn minh lúa

nước, nền văn minh sông Hồng; đồng thời, gây ra những thảm họa, thiên tai cản trở các hoạt động phát triển kinh tế - xã hội của nhân loại.

Từ xa xưa, loài người đã nhận thức được rằng, thế giới là một chỉnh thể thống nhất và con người là một bộ phận hữu cơ trong thế giới thiên nhiên đó. Khoa học hiện đại cũng đã chứng minh thế giới tồn tại trong chỉnh thể cân đối và hài hòa. Bất kỳ một sự thiếu hụt nào của thế giới tự nhiên ngay lập tức sẽ được tạo ra từ chỗ khác để bù đắp cho sự thiếu hụt đó, sự tự điều chỉnh để cân đối và hài hòa đó luôn được diễn ra trong suốt quá trình phát triển của thế giới tự nhiên. Tuy nhiên, những điều chỉnh lớn không tuân theo những quy luật của giới tự nhiên sẽ dẫn đến hậu quả khôn lường, đảo lộn và phá vỡ chỉnh thể thống nhất của thế giới tự nhiên.

3.1.2. Quan điểm của các nhà kinh điển Mác - Lênin

Trong mối quan hệ giữa con người với tự nhiên, một mặt, con người là một bộ phận của giới tự nhiên, nằm trong chỉnh thể thống nhất không tách rời nên phải sống hài hòa với thiên nhiên; mặt khác, con người là chủ thể của thiên nhiên, thực hiện những mục đích riêng của mình. Là chủ thể trí tuệ đầy ý chí, có cuộc sống xã hội cao hơn thiên nhiên, con người phải thực hiện sứ mệnh thiêng liêng của mình là cải tạo thiên nhiên, bảo vệ thiên nhiên nhưng phải nắm quy luật thiên nhiên để chung sống với thiên nhiên phục vụ cho những mục đích và lý tưởng cao đẹp của mình. Cuối thế kỷ XIX, Ph.Ăngghen đã từng cảnh báo loài người: “Chúng ta hoàn toàn không thống trị được giới tự nhiên như một kẻ xâm lược thống trị một dân tộc khác, như một người sống bên ngoài giới tự nhiên, mà trái lại, bản thân chúng ta, với cả xương thịt, máu mủ và đầu óc chúng ta, là thuộc về giới tự nhiên, chúng ta nằm trong lòng giới tự nhiên, và tất cả sự thống trị của chúng ta đối với giới tự nhiên là ở chỗ chúng ta, khác với tất cả các sinh vật khác, là chúng ta nhận thức được quy luật của giới tự nhiên và có thể sử dụng những quy luật đó một cách chính xác”[2, tr.655].

Trước sự phát triển mạnh mẽ của nền kinh tế tư bản chủ nghĩa, các nhà kinh điển Mác - Lênin đã đưa ra những cảnh báo về những hậu quả tất yếu mà con người sẽ phải gánh chịu, nếu chỉ vì lợi ích trước mắt mà tác động một cách mù quáng vào giới tự nhiên, bất chấp quy luật vô cùng nghiêm ngặt của thiên nhiên, không nhận thức được sự gắn bó hữu cơ giữa con người và môi trường tự nhiên. Những lời cảnh báo nghiêm khắc đó đòi hỏi con người cần phải đặc biệt quan tâm đến triết lý phát triển, sao cho phát triển mà không làm tổn hại đến giới tự nhiên, phát triển thỏa mãn được nhu cầu của thế hệ hiện tại mà không làm tổn hại đến các thế hệ tương lai. Hiện nay, tài nguyên - môi trường đã trở thành vấn đề cấp bách mang tính toàn cầu thì những lời cảnh báo của các nhà kinh điển giúp loài người cần nhận thức nghiêm túc, đúng đắn và đầy đủ quy luật của tự nhiên để đưa ra những giải pháp hữu hiệu nhằm giải quyết thỏa đáng những vấn đề về tài nguyên - môi trường mà nhân loại đang phải đối mặt.

Do thiên nhiên và con người là một thể thống nhất, nên trong cải tạo, chinh phục thiên nhiên, con người không thể tuyệt đối hóa vai trò trung tâm của mình. Dù vì bất cứ mục đích gì, mọi hành động của con người cũng phải bảo đảm tính thống nhất của vũ trụ, của thế giới tự nhiên; dù lợi dụng giới tự nhiên để phát triển kinh tế - xã hội, con người vẫn phải luôn có ý thức chung sống, gắn bó máu thịt với thế giới thiên nhiên để giữ vững sự hài hòa; việc chinh phục và cải biến tự nhiên dù có lớn bao nhiêu cũng không được phép vượt quá giới hạn để dẫn đến phá vỡ hệ thống môi trường tự nhiên, làm cạn kiệt các nguồn tài nguyên thiên nhiên. Do đó, nuôi dưỡng giới tự nhiên, bảo vệ môi trường tự nhiên, bảo vệ các nguồn tài nguyên thiên nhiên, giữ gìn tính thống nhất và đa dạng hệ sinh thái được coi là mục tiêu và nhiệm vụ quan trọng, xuyên suốt trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội của nhân loại nói chung và sự phát triển của mỗi quốc gia nói riêng.

3.1.3. Quan điểm của Hồ Chí Minh về mối quan hệ hòa hợp giữa con người và thiên nhiên trong sự phát triển của đất nước

Hồ Chí Minh cũng đã sớm thể hiện sự quan tâm của Người đối với các vấn đề liên quan đến môi trường cũng như mối quan hệ hòa hợp giữa con người và thiên nhiên trong sự phát triển của đất nước.

Những tư tưởng gợi mở sâu sắc về triết lý con người sống hài hòa với thiên nhiên, bảo vệ thiên nhiên, bảo vệ môi trường sống được thể hiện rõ nét qua những hành động ứng xử với thiên nhiên của Hồ Chí Minh. Người quan niệm, thiên nhiên là những thứ dung dị và gần gũi với con người, như đất, nước, sông, núi, trăng, sao, cỏ cây, hoa lá, chim ca, ... Và ở tầm cao hơn, thiên nhiên gắn với đất nước, với Tổ quốc, bởi Đất và Nước là hai yếu tố thiên nhiên tạo nên Tổ quốc; thiên nhiên là một bộ phận không thể thiếu trong cuộc sống con người, có mối quan hệ chặt chẽ với con người. Bởi vậy, trong suốt cuộc đời cách mạng, Hồ Chí Minh luôn trân trọng những gì thuộc về thiên nhiên, bảo vệ thiên nhiên và sống hài hòa với thiên nhiên, điều đó được thể hiện trong các bài viết, thơ ca và thông qua triết lý hành động của Người.

Thấy được vai trò to lớn của thiên nhiên, Hồ Chí Minh chủ trương con người phải sống hòa hợp với thiên nhiên. Song, trong điều kiện đất nước còn nhiều khó khăn, sự hiểu biết của con người về thiên nhiên còn nhiều hạn chế, thì công việc đồng áng của người nông dân vẫn phải phụ thuộc nhiều vào các điều kiện thiên nhiên như nắng, mưa, bão, lũ, hạn hán... Người cho rằng, sống hài hòa với thiên nhiên, nương nhờ và thuận theo tự nhiên là cần thiết nhưng chưa đủ đem lại cơm no, áo ấm, mà còn phải biết cách đề phòng, phải ra sức đấu tranh, ngăn chặn và chiến thắng thiên tai, tức là “còn làm cả việc chống trời nữa”. Bởi vậy, sau khi Cách mạng Tháng Tám thành công, cùng với công cuộc kháng chiến kiến quốc, Người cũng dành sự quan tâm đặc biệt đến cuộc đấu tranh chinh phục thiên nhiên để phục vụ lợi ích cho nông dân.

Hằng năm, Chủ tịch Hồ Chí Minh đều viết thư gửi đồng bào có đề nhắc nhở việc đắp đê và giữ đê chống lụt, đồng thời, Người cũng kịp thời viết thư khen ngợi nhân dân, cán bộ ở các địa phương làm tốt việc chống hạn hán, lũ

lụt. Người nói: “Chúng ta cần phải chăm lo đến việc đắp đê đê đê phòng nạn lụt... các nhà thân hào phải hăng hái giúp đỡ các đồng bào khác đi đắp đê... Chỉ có cách đó mới có thể ngăn ngừa được nạn vỡ đê” [23, tr.177]. Hồ Chí Minh còn cho rằng thiên tai, lũ lụt rất nguy hiểm và coi đó là một loại giặc. Để có một cuộc sống tốt đẹp, chúng ta không những phải ra sức đấu tranh cải tạo xã hội (chống giặc ngoại xâm) mà còn phải đấu tranh nhằm chinh phục tự nhiên (chống giặc thiên tai), bắt tự nhiên phục vụ lợi ích của mình. Người viết: “...nêu tinh thần quật cường kháng chiến, dùng cách Thi đua ái quốc mà xung phong giữ đê cho vững chắc... chúng ta sẽ đánh lui giặc lụt cũng như chúng ta sẽ đánh lui giặc ngoại xâm” [24, tr.569, 570]. Trong bài “*Nói chuyện với cán bộ và nhân dân tỉnh Nam Định*”, Hồ Chí Minh đề cao sức mạnh chế ngự của con người với thiên nhiên, Người nói: “Trời đã làm ra hạn, lụt, sâu bọ, bệnh tật. Vì vậy, ta không ỷ lại vào trời mà phải chống lại trời. Mùa trước đây nhân dân đã “vát đất ra nước thay trời làm mưa” thì nay phải tiếp tục thực hiện” [25, tr.125]. Tuy nhiên, sự tác động của con người vào tự nhiên không thể tác động một cách bừa bãi, mù quáng mà phải trên cơ sở tri thức khoa học, hiểu biết đúng đắn về môi trường tự nhiên, phù hợp với quy luật khách quan. Và sau này, tư tưởng chinh phục tự nhiên, cải tạo tự nhiên tiếp tục được Người đề cao và trực tiếp tham gia trong các nội dung về trồng rừng, làm thủy lợi, chống úng, chống hạn, cải tạo đất...

Là nhà duy vật biện chứng, hơn ai hết, Hồ Chí Minh nhận thức sâu sắc quan hệ biện chứng giữa con người và tự nhiên, tự nhiên là môi trường sống của con người. Lớp thực vật rừng giữ một vai trò đặc biệt trong việc hình thành thế cân bằng ổn định của môi trường. Bởi lẽ, rừng là một đầu mối của nhiều chu trình sinh hóa cơ bản trong thiên nhiên như các chu trình ôxy, các-bon, đạm, nước... và thông qua nước là các chu trình của các yếu tố vi lượng tác động đến sự sống. Do đó, rừng giữ vai trò điều hòa đặc biệt quan trọng đối với khí hậu, thủy văn, đất trồng, sinh vật... tạo nên sự cân bằng trong hệ sinh thái.

Hồ Chí Minh cho rằng, rừng là vàng vì, rừng cung cấp nguyên liệu, vật liệu cho nhân dân, cho sự nghiệp xây dựng đất nước; cho ta nhiều loại gỗ quý, nhiều loại tre, nứa, vầu...; cung cấp nhiều loại dược liệu quý hiếm và một thế giới động vật phong phú và đa dạng; bên cạnh đó, rừng còn là một hệ thống cảnh đẹp, là môi trường lý tưởng cho du lịch, nghỉ mát, dưỡng bệnh... và là tấm chắn vững chắc để bảo vệ nguồn nước, mùa màng, làng quê.

Với tầm nhìn chiến lược, Hồ Chí Minh đặt vấn đề phải đấu tranh chống lại những tai họa của thiên nhiên bằng cách trồng cây và bảo vệ rừng, cấm phá rừng. Ngày 28 tháng 11 năm 1959, Chủ tịch Hồ Chí Minh viết bài đăng trên báo Nhân dân với nhan đề “Tết trồng cây”. Người cho rằng, trồng cây là việc làm “tốn kém ít mà lợi ích rất nhiều”, giúp bảo vệ nguồn nước, giảm nhẹ thiên tai, điều hòa khí hậu, bảo vệ môi trường, tạo công ăn việc làm, xóa đói, giảm nghèo; vì vậy, nên trồng cây để giữ lấy màu xanh cho đất, giữ gìn môi sinh cho con người và cần duy trì bền bỉ “Tết trồng cây”, bởi “Tết trồng cây cũng là một kế hoạch kinh tế lâu dài và liên tục” [25, tr.536]. Từ đó đến nay, “Tết trồng cây” thực sự trở thành ngày hội của toàn dân mỗi khi xuân về, cả nước ra quân trồng cây thể hiện sự đồng lòng, nhất trí từ trên xuống dưới, từ già đến trẻ tạo nên sức mạnh chính trị, văn hóa của cả dân tộc trong công cuộc xây dựng đất nước. “Tết trồng cây” đã trở thành nét văn hóa của người Việt Nam trong sự nghiệp xây dựng đất nước, thể hiện tầm nhìn của Người về sự phát triển bền vững; đó cũng là triết lý sống hài hòa với thiên nhiên ở Hồ Chí Minh.

Sự quan tâm của Hồ Chí Minh đối với việc trồng cây, tạo cảnh quan môi trường và bảo vệ tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ môi trường đã vượt qua biên giới, vươn tới tầm cao nhân loại. Điều đó được thể hiện trong các chuyến thăm nước ngoài hoặc mỗi khi tiếp đón khách ngoại quốc, Người hay tổ chức lễ trồng cây và gọi những cây này là “cây hữu nghị”, biểu tượng cho quan hệ giữa Việt Nam và thế giới; biểu tượng cho sự yêu chuộng hoà bình cũng như tình yêu thiên nhiên, sống hài hòa với thiên nhiên và thái độ tích cực đối với môi trường.

Hai mươi năm sau sáng kiến của Hồ Chí Minh, Tổ chức Giáo dục - Khoa học - Văn hóa Liên hợp quốc mới bàn về vấn đề môi trường, nhân loại mới nhận thức được tầm quan trọng và ý nghĩa của việc trồng rừng. Năm 2006, chiến dịch trồng một tỷ cây xanh do Chương trình Môi trường Liên hợp quốc (UNEP) phát động theo sáng kiến của bà Oan-ga-ri Ma-a-thai, người Kê-ni-a, đoạt giải Nô-ben Hòa bình năm 2004, nhằm nâng cao ý thức tự giác và động viên nỗ lực của nhân dân toàn thế giới trong việc trồng cây xanh để ứng phó với tình trạng biến đổi khí hậu, ngăn chặn phá rừng, giảm bớt thiệt hại cho môi trường. Điều đó chứng tỏ Hồ Chí Minh đã có tầm nhìn vượt thời đại về bảo vệ thiên nhiên, sống hài hòa với thiên nhiên, bảo vệ môi trường sống, đó là một trong những khía cạnh quan trọng cho sự phát triển bền vững.

Trong tư duy Hồ Chí Minh, thiên nhiên phong phú, đa dạng, giúp ích cho con người, song thiên nhiên cũng rất phức tạp, có thể gây ra những tai họa nguy hiểm như bão lụt, hạn hán mà nguyên nhân sâu xa là do sự tác động của con người. Đánh giá cao vai trò, tác dụng của tài nguyên thiên nhiên, của rừng với đời sống con người, Người yêu cầu phải biết khai thác đúng mức, hợp lý; khai thác sử dụng kết hợp tái tạo, bảo tồn, xây dựng để rừng thực sự là “vàng”. Chúng ta nuôi dưỡng thiên nhiên cũng chính là nuôi dưỡng con người; sống hài hòa với thiên nhiên, bảo vệ thiên nhiên cũng chính là bảo vệ sự sống cho con người, cho nhân loại trong hiện tại và tương lai.

Trước khi chuẩn bị cho mình về cõi vĩnh hằng, trong Di chúc của mình, Hồ Chí Minh đề nghị nhân dân đến viếng thăm hãy trồng cây tưởng niệm, mỗi người đến thăm sẽ trồng một cây, lâu ngày thành rừng, “Ai đến thăm thì trồng một vài cây làm kỷ niệm. Lâu ngày, cây nhiều thành rừng sẽ tốt cho phong cảnh và lợi cho nông nghiệp” [26, tr.615]. Yêu thiên nhiên, gần gũi thiên nhiên, bảo vệ thiên nhiên là triết lý sống của Hồ Chí Minh. Con người phải sống hài hòa với thiên nhiên, dựa vào tự nhiên để tồn tại và phát triển, đồng thời con người

cũng phải sống hòa thuận với nhau để phát huy lợi thế của thiên nhiên, hạn chế những bất lợi do thiên nhiên đem lại.

Ngày nay, suy ngẫm nghiêm túc những lời dạy của Người, chúng ta càng cảm nhận, thấu hiểu sâu sắc tầm nhìn của Lãnh tụ Hồ Chí Minh về “Tết trồng cây” và việc bảo vệ môi trường sống. Đó không chỉ là một trong những nội dung của sự phát triển và phát triển bền vững của cả thế giới nói chung và nước ta nói riêng mà còn là vấn đề cấp bách của thời đại.

Tư duy và hành động của Hồ Chí Minh về sống hài hòa với thiên nhiên, ngoài ý nghĩa giáo dục tình yêu thiên nhiên, yêu quê hương, đất nước, yêu con người, còn thể hiện rõ trong đó vấn đề lớn của thời đại - bảo vệ thiên nhiên, bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu. Tình yêu thiên nhiên, đất nước của Người không đơn giản chỉ là một thái độ ứng xử tích cực đối với cuộc sống xung quanh, hơn thế, đó còn là sự quan tâm, bảo vệ và sống hòa đồng với thiên nhiên. Dù sống trong hoàn cảnh khó khăn của cách mạng hay sau này ở vị trí Chủ tịch nước, Hồ Chí Minh luôn tạo ra cho mình một cảnh quan môi trường thiên nhiên hài hòa, mực thước. Đó là nhân sinh quan và thế giới quan của một chiến sỹ cộng sản lỗi lạc, thể hiện nhận thức cực kỳ sâu sắc của Hồ Chí Minh đối với thế giới tự nhiên và vai trò chủ động, tích cực của con người trong tiến trình biến “cái tự nhiên tự nó” thành “cái tự nhiên cho ta” phù hợp với quy luật của tự nhiên. Đó vừa là một tình cảm cao quý, vừa là triết lý sống hài hòa với thiên nhiên - một giá trị vĩnh hằng mà Chủ tịch Hồ Chí Minh đã để lại cho chúng ta và các thế hệ mai sau.

Nghiên cứu quan điểm của các nhà kinh điển Mác - Lênin về mối quan hệ giữa con người với tự nhiên và triết lý sống hài hòa với thiên nhiên của Hồ Chí Minh, chúng ta thấy vấn đề tài nguyên - môi trường đã được quan tâm đặc biệt từ rất sớm cùng với công cuộc xây dựng, phát triển đất nước. Những quan điểm và hành động thực tiễn về mối quan hệ giữa con người với tự nhiên có ý nghĩa phương pháp luận định hướng cho nhân loại giải bài toán tài nguyên -

môi trường trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội cho sự phát triển bền vững. Sự đề cao đối với con người trong hệ thống tự nhiên sẽ dẫn đến tàn phá thiên nhiên, nên phải coi con người như là thành phần quan trọng của tự nhiên để điều chỉnh hành vi của mình. Con người sống được và tồn tại được là nhờ vào thiên nhiên gồm các nguồn tài nguyên và môi trường tự nhiên. Thiên nhiên là cơ sở tiền đề cho sự sống và phát triển của con người. Vậy nên, trong quá trình phát triển đòi hỏi phải giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế, tiến bộ xã hội với bảo vệ tài nguyên - môi trường, nghĩa là, chủ trương, chính sách phát triển của mỗi quốc gia không chỉ có sự tăng trưởng kinh tế cao và thực hiện tốt tiến bộ xã hội mà còn phải bảo vệ được tài nguyên - môi trường theo hướng phát triển bền vững.

3.2. Cơ sở thực tiễn

Từ Hội nghị đầu tiên của Liên hợp quốc về Môi trường Con người năm 1972 diễn ra tại Stockholm, các vấn đề môi trường đã được quan tâm thảo luận ở các diễn đàn toàn cầu. Tuy nhiên, ở mỗi giai đoạn phát triển, các thách thức về môi trường toàn cầu có sự khác nhau, thập niên 70, 80 của thế kỷ XX, các vấn đề môi trường cần quan tâm là ô nhiễm do phát thải công nghiệp, nhưng trong những năm cuối của thế kỷ XX, thập niên đầu của thế kỷ XXI là sự suy giảm đa dạng sinh học, biến đổi khí hậu và sa mạc hóa. Trong những năm gần đây, với xu thế toàn cầu hóa, dân số tiếp tục gia tăng và đô thị hóa nhanh chóng, các vấn đề tài nguyên - môi trường toàn cầu cũng có những diễn biến phức tạp, đặt ra những thách thức mới.

Xu thế toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế là sợi dây kết nối các nước gần nhau hơn, tạo điều kiện cho các nước nghèo, kém phát triển có cơ hội tiếp cận nguồn lực của các nước phát triển, song cũng tạo ra nhiều thách thức mang tính toàn cầu. Những bất ổn về kinh tế, gia tăng các vấn đề xã hội, suy thoái tài nguyên, môi trường diễn biến phức tạp gây thiệt hại lớn về kinh tế - xã hội ... là thách thức lớn đòi hỏi mỗi quốc gia phải có những điều chỉnh về mô hình

tăng trưởng nhằm giải quyết tốt các vấn đề về phát triển kinh tế - xã hội và bảo vệ tài nguyên - môi trường để hướng đến sự phát triển bền vững. Việt Nam cũng từng bước có những định hướng, chiến lược nhằm điều chỉnh mô hình tăng trưởng kinh tế - xã hội gắn với bảo vệ tài nguyên - môi trường cho sự phát triển bền vững và đã cam kết thực hiện Chương trình Nghị sự 21 của Liên Hợp quốc về phát triển bền vững.

3.2.1. Thực tiễn trước năm 2011

Với Việt Nam trong những năm 80 của thế kỷ XX, tăng trưởng kinh tế là điều cốt yếu để đưa đất nước thoát khỏi tình trạng khủng hoảng kinh tế - xã hội, nên chủ trương của Đảng là ưu tiên phát triển kinh tế mà chưa nhận thức một cách đầy đủ sự phát triển kinh tế phải tiến hành đồng bộ với sự phát triển xã hội và bảo vệ môi trường. Thực tiễn chứng minh, tăng trưởng kinh tế thường gây ra những nguy hại về môi trường rất nghiêm trọng, mô hình phát triển lấy tăng trưởng kinh tế làm trọng tâm, khuyến khích một xã hội tiêu thụ, dựa trên nền tảng những phát minh công nghệ tiêu tốn năng lượng, lạm dụng quá mức tài nguyên, gây ô nhiễm môi trường, cùng với sự trốn tránh trách nhiệm đối với các thế hệ tương lai là nguyên nhân sâu xa dẫn đến suy thoái, cạn kiệt tài nguyên thiên nhiên và ô nhiễm môi trường.

Sau 10 năm đổi mới, Việt Nam đã đạt được nhiều thành tựu quan trọng về mọi mặt: Đất nước thoát khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội, cải thiện một bước đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân, giữ vững ổn định chính trị, quốc phòng, an ninh được củng cố, tạo được những tiền đề cần thiết cho sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Bên cạnh những thành tựu đã đạt được, Việt Nam phải đối mặt với những thách thức lớn về môi trường, việc bảo vệ tài nguyên - môi trường chưa thực sự đi vào cuộc sống, tình trạng môi trường tự nhiên tiếp tục xấu đi... thực tiễn đòi hỏi phải tiếp tục điều chỉnh và có bước phát triển mới để giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa phát triển kinh tế - xã hội với bảo vệ tài nguyên - môi trường. Tổng kết 10 năm đổi mới, Đảng đã

rút ra sáu bài học quan trọng, trong đó bài học thứ ba chỉ rõ: “Tăng trưởng kinh tế gắn liền với tiến bộ và công bằng xã hội, giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc, bảo vệ môi trường sinh thái” [3, tr.72]. Quan điểm về phát triển bền vững bắt đầu được hình thành từ Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII (1996) của Đảng với việc nhấn mạnh đến sự kết hợp hài hòa giữa phát triển kinh tế và giải quyết các vấn đề xã hội bức xúc gắn với bảo vệ môi trường và tiếp tục được bổ sung, phát triển ở các Đại hội sau.

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX (4/2001) của Đảng tiếp tục đưa ra quan điểm phát triển là: “Phát triển nhanh, hiệu quả và bền vững, tăng trưởng kinh tế đi đôi với thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội và bảo vệ môi trường” [4, tr.162]. Quan điểm phát triển của Đảng đã được xác định rõ phát triển kinh tế - xã hội phải gắn chặt với bảo vệ và cải thiện môi trường, bảo đảm sự hài hòa giữa môi trường nhân tạo với môi trường tự nhiên, giữ gìn đa dạng sinh học. Chủ động phòng tránh và hạn chế tác động xấu của thiên tai và sự biến đổi khí hậu bất lợi, tiếp tục giải quyết hậu quả chiến tranh còn lại đối với môi trường. Để phát triển nhanh, hiệu quả và bền vững phải thực sự coi trọng cả ba lĩnh vực: Kinh tế - Xã hội - Môi trường.

Theo đó, ngày 15/11/2004, Bộ Chính trị đã ban hành Nghị quyết số 41-NQ/TW về “Bảo vệ môi trường trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước”. Nghị quyết đã nêu ra 5 quan điểm cơ bản về bảo vệ môi trường, khẳng định rõ tầm quan trọng của công tác bảo vệ môi trường là một trong những vấn đề sống còn của nhân loại; là nhân tố bảo đảm sức khỏe và chất lượng cuộc sống của nhân dân; góp phần quan trọng vào việc phát triển kinh tế - xã hội, ổn định chính trị, an ninh quốc gia và thúc đẩy hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam. Công tác bảo vệ môi trường đã được đặt về đúng vị trí là một trong ba trụ cột của quá trình phát triển cho sự phát triển bền vững, Nghị quyết số 41 nêu rõ: “Bảo vệ môi trường vừa là mục tiêu, vừa là một trong những nội dung cơ bản của phát triển bền vững, phải được thể hiện trong các

chiến lược, qui hoạch, kế hoạch, dự án phát triển kinh tế - xã hội của từng ngành và từng địa phương; khắc phục tư tưởng chỉ chú trọng phát triển kinh tế - xã hội mà coi nhẹ bảo vệ môi trường; đầu tư cho bảo vệ môi trường là đầu tư cho phát triển bền vững” [5]. Quan điểm đó là định hướng quan trọng để đẩy mạnh và coi trọng công tác bảo vệ tài nguyên - môi trường trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội thời gian tiếp theo.

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng (4/2006) đã kiểm điểm 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội IX và nhìn lại 20 năm đổi mới. Từ thực tiễn thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm (2001 - 2005), Đảng đã rút ra năm bài học kinh nghiệm lớn, đó cũng là tư tưởng chỉ đạo về phát triển kinh tế - xã hội trong 5 năm tới (2006 - 2010). Trong đó, bài học kinh nghiệm đầu tiên được xác định là: *Bài học về phát triển nhanh và bền vững - Phát triển nhanh phải đi đôi với nâng cao tính bền vững, đó là quy luật của sự phát triển.* Bởi vậy, Đảng đã chỉ rõ: “Phải rất coi trọng bảo vệ và cải thiện môi trường ngay trong từng bước phát triển” [6, tr.179]. Cũng tại Đại hội X, lần đầu tiên trong báo cáo về phương hướng, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2006 - 2010, Đảng đã đề ra chỉ tiêu định hướng về môi trường: “Năm 2010: Đưa tỉ lệ che phủ rừng lên 42 - 43%. 95% dân cư thành thị và 75% dân cư ở nông thôn được sử dụng nước sạch. 100% các cơ sở sản xuất mới xây dựng phải áp dụng công nghệ sạch hoặc được trang bị các thiết bị giảm ô nhiễm, xử lý chất thải; trên 50% các cơ sở sản xuất, kinh doanh đạt tiêu chuẩn về môi trường; 100% số đô thị loại 3 trở lên, 50% số đô thị loại 4 và tất cả các khu công nghiệp, khu chế xuất có hệ thống xử lý nước thải; 90% chất thải rắn thông thường, 80% chất thải nguy hại, 100% chất thải y tế được thu gom và xử lý chất thải đạt tiêu chuẩn môi trường” [6, tr.190]. Trong định hướng phát triển ngành, lĩnh vực và vùng, Đảng xác định rõ *Về tăng cường bảo vệ, cải thiện môi trường, bảo vệ tài nguyên thiên nhiên* là: “Coi trọng việc thực hiện mục tiêu và nhiệm vụ bảo vệ môi trường trong mọi hoạt động kinh tế, xã hội. Thực hiện tốt Chương

trình nghị sự XXI - Chương trình nghị sự XXI có 8 mục tiêu cụ thể, trong đó mục tiêu (7) là *Bảo đảm bền vững về môi trường*” [6, tr.221-222].

Cụ thể hóa Nghị quyết Đại hội X và tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác bảo vệ môi trường, ngày 21/01/2009, Ban Bí thư đã ra Chỉ thị số 29-CT/TW về “Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết số 41-NQ/TW của Bộ Chính trị (khóa IX) về bảo vệ môi trường trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước”, Chỉ thị nêu rõ yêu cầu các cấp ủy Đảng, chính quyền tiếp tục đẩy mạnh thực hiện triệt để các quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp của Nghị quyết số 41. Chỉ thị 29-CT/TW của Ban Bí thư (khóa X) được ban hành, một mặt khẳng định chủ trương của Đảng về bảo vệ môi trường thể hiện trong Nghị quyết số 41-NQ/TW của Bộ Chính trị (khóa IX) là đúng đắn và phù hợp với thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, phù hợp với xu thế phát triển chung của thế giới; mặt khác cho thấy, Đảng ngày càng nhận thức rõ hơn về tầm quan trọng của việc bảo vệ môi trường trong quá trình phát triển và có những định hướng về đẩy mạnh công tác bảo vệ môi trường ngày càng rõ ràng, cụ thể trong hoạch định đường lối tổng thể, gắn phát triển kinh tế - xã hội với bảo vệ tài nguyên - môi trường cho sự phát triển bền vững.

Mặc dù, Đảng đã nhận thức ngày càng rõ hơn, chỉ đạo cụ thể hơn nhưng quá trình thực hiện thì ngược lại, Nghị quyết sau đánh giá thực trạng tài nguyên - môi trường gay gắt, nhức nhối hơn Nghị quyết trước, chứng tỏ những bất cập trong quá trình chỉ đạo thực hiện. Thực tiễn đó đòi hỏi phải có những đánh giá, tổng kết, đúc rút kinh nghiệm nghiêm túc và khoa học trên cơ sở những kết quả đã đạt được và những hạn chế, tồn tại trong quá trình lãnh đạo của Đảng trong giải quyết mối quan hệ giữa phát triển kinh tế - xã hội.

3.2.2. Thực tiễn từ năm 2011 đến nay

3.2.2.1. Chủ trương của Đảng

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng (01/2011) một lần nữa thể hiện quan điểm nhất quán của Đảng đối với công tác bảo vệ môi trường, phải thực sự coi trọng công tác bảo vệ môi trường; coi bảo vệ môi trường vừa là mục tiêu, vừa là một trong những nội dung cơ bản của phát triển bền vững. Nghị quyết Đại hội XI khẳng định: “Phát triển kinh tế - xã hội phải luôn coi trọng bảo vệ và cải thiện môi trường, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu” [8, tr.99]; và chủ trương: “Đưa nội dung bảo vệ môi trường vào chiến lược, quy hoạch phát triển ngành, lĩnh vực, vùng và các chương trình, dự án. Các dự án đầu tư xây dựng mới phải bảo đảm yêu cầu về môi trường” [8, tr.136]. Quan điểm coi trọng bảo vệ và cải thiện môi trường trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội ở Đại hội XI đã khắc phục tư tưởng chỉ chú trọng phát triển kinh tế - xã hội mà coi nhẹ bảo vệ môi trường. Đầu tư cho bảo vệ môi trường là đầu tư cho phát triển bền vững.

Đại hội XI đã đặt vấn đề *bảo vệ và cải thiện chất lượng môi trường, chủ động ứng phó có hiệu quả với biến đổi khí hậu, phòng, chống thiên tai* thành một định hướng trong Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2011 - 2020 với quan điểm quan trọng là *Phát triển nhanh gắn liền với phát triển bền vững, phát triển bền vững là yêu cầu xuyên suốt trong Chiến lược*. Bảo vệ môi trường được coi là một nội dung, đồng thời là một trong những nhiệm vụ quan trọng của kế hoạch 5 năm 2011 - 2015 gắn với phát triển giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ, kinh tế tri thức. Đại hội đã thông qua các nội dung bổ sung, phát triển Cương lĩnh năm 1991. Nhiều nội dung được bổ sung, phát triển cho phù hợp với tình hình phát triển mới của cách mạng Việt Nam, trong đó, vấn đề bảo vệ môi trường cũng được bổ sung, phát triển với nội dung định hướng mới đầy đủ hơn. Cương lĩnh (bổ sung, phát triển năm 2011) đã chỉ rõ: “*Bảo vệ môi trường* là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị, của toàn xã hội và nghĩa vụ của mọi công dân. Kết hợp chặt chẽ giữa kiểm soát, ngăn ngừa, khắc phục ô nhiễm với khôi phục và bảo vệ môi trường sinh thái. Phát triển năng lượng

sạch, sản xuất sạch và tiêu dùng sạch. Coi trọng nghiên cứu, dự báo và thực hiện các giải pháp ứng phó với quá trình biến đổi khí hậu và thảm họa thiên nhiên. Quản lý, bảo vệ, tái tạo và sử dụng hợp lý, có hiệu quả tài nguyên quốc gia” [8, tr.78]. Theo đó, công tác bảo vệ môi trường phải được gắn kết chặt chẽ với phát triển kinh tế - xã hội. Phát triển kinh tế - xã hội phải thực hiện đồng bộ với bảo vệ tài nguyên - môi trường theo hướng bền vững.

Chỉ đạo thực hiện Nghị quyết Đại hội XI, nhận thức của Đảng về bảo vệ môi trường tiếp tục được nâng lên ở một tầm cao mới để giải quyết được những diễn biến phức tạp của biến đổi khí hậu, ô nhiễm môi trường ngày càng gia tăng, tài nguyên tiếp tục bị tàn phá nặng nề. Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương lần thứ bảy (khóa XI), ngày 03/6/2013, Ban Chấp hành Trung ương đã ban hành Nghị quyết số 24-NQ/TW về *Chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường*. Các quan điểm về bảo vệ môi trường của Đảng tiếp tục được khẳng định với chủ trương chỉ đạo là tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường. Trên cơ sở đánh giá tình hình và nguyên nhân, Nghị quyết số 24-NQ/TW đã đưa ra quan điểm về tài nguyên - môi trường, bảo vệ tài nguyên - môi trường và chủ trương tăng cường quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường trong tình hình mới. Nghị quyết khẳng định: “Tài nguyên là tài sản quốc gia, là nguồn lực, nguồn vốn tự nhiên đặc biệt quan trọng để phát triển đất nước”; “Môi trường là vấn đề toàn cầu. Bảo vệ môi trường vừa là mục tiêu vừa là một nội dung cơ bản của phát triển bền vững”[9, tr.69-70]. Vì vậy, chủ trương tăng cường quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường phải theo phương châm ứng xử hài hòa với thiên nhiên, theo quy luật tự nhiên, phòng ngừa là chính; kết hợp kiểm soát, khắc phục ô nhiễm, cải thiện môi trường, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học; lấy bảo vệ sức khỏe nhân dân làm mục tiêu hàng đầu; kiên quyết loại bỏ những dự án gây ô nhiễm môi trường, ảnh hưởng đến sức khỏe cộng đồng. Việc đầu tư cho bảo vệ môi trường chính là đầu tư cho phát triển bền vững. Đồng thời, Nghị quyết cũng đã đưa ra những

mục tiêu rất cụ thể về quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường đến năm 2020 như: Không để phát sinh và xử lý triệt để các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng; 70% lượng nước thải ra môi trường lưu vực các sông được xử lý; tiêu huỷ, xử lý trên 85% chất thải nguy hại, 100% chất thải y tế; tái sử dụng hoặc tái chế trên 65% rác thải sinh hoạt; Phần đầu 95% dân cư thành thị và 90% dân cư nông thôn được sử dụng nước sạch, hợp vệ sinh. Kiểm soát an toàn, xử lý ô nhiễm môi trường do hậu quả chiến tranh. Nâng cao chất lượng môi trường không khí ở các đô thị, khu vực đông dân cư. Cải thiện rõ rệt môi trường làng nghề và khu vực nông thôn; Quản lý khai thác hợp lý, sớm chấm dứt khai thác rừng tự nhiên, nâng diện tích các khu bảo tồn thiên nhiên lên trên 3 triệu ha; nâng độ che phủ của rừng lên trên 45%.

Nghị quyết số 24-NQ/TW xác định rõ quan điểm: “Chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường là những vấn đề có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, có tầm ảnh hưởng lớn, quan hệ, tác động qua lại, cùng quyết định sự phát triển bền vững của đất nước; là cơ sở, tiền đề cho hoạch định đường lối, chính sách phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh và an sinh xã hội... Chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường phải trên cơ sở phương thức quản lý tổng hợp và thống nhất, liên ngành, liên vùng” [9, tr.69]. Nghị quyết số 24 được xác định là văn bản quan trọng trong công tác bảo vệ tài nguyên - môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu hiện nay.

Đến Đại hội XII của Đảng (2016), mối quan hệ giữa phát triển kinh tế - xã hội với bảo vệ tài nguyên - môi trường tiếp tục được khẳng định rõ hơn, chú trọng phát triển hài hòa giữa chiều rộng và chiều sâu, coi trọng phát triển kinh tế tri thức và kinh tế xanh. Đặc biệt, phát triển kinh tế phải gắn kết chặt chẽ với phát triển xã hội và bảo vệ tài nguyên - môi trường. Văn kiện Đại hội nêu rõ: “Bảo đảm phát triển nhanh, bền vững trên cơ sở ổn định kinh tế vĩ mô và không ngừng nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh. Phát triển

hài hòa giữa chiều rộng và chiều sâu, chú trọng phát triển chiều sâu; phát triển kinh tế tri thức, kinh tế xanh. Phát triển kinh tế phải gắn kết chặt chẽ với phát triển văn hóa, xã hội, bảo vệ môi trường, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu. Bảo đảm quốc phòng, an ninh và giữ vững hòa bình, ổn định để xây dựng đất nước” [10, tr.270].

Đặc biệt, Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng đã đề cập khá rõ nét và đầy đủ về vấn đề ứng phó với biến đổi khí hậu, nêu rõ quan điểm: “phát triển hài hòa giữa kinh tế với văn hoá, xã hội, bảo vệ môi trường và thích ứng với biến đổi khí hậu” [11, T1, tr.113-114]. Về mục tiêu: “Giảm tiêu hao năng lượng tính trên đơn vị GDP ở mức 1 - 1,5%/năm; tỷ lệ che phủ rừng ổn định ở mức 42%; giảm 9% lượng phát thải khí nhà kính; tăng diện tích các khu bảo tồn biển, ven biển đạt 3 - 5% diện tích tự nhiên vùng biển quốc gia” [11, T1, tr.219-220].

Đại hội XIII của Đảng đưa ra một số nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu: Xây dựng hệ thống và chế độ giám sát môi trường, nâng cao chất lượng đánh giá tác động môi trường của mọi dự án, hoạt động kinh tế; ngăn ngừa, hạn chế tối đa những ô nhiễm môi trường mới phát sinh; xử lý dứt điểm ô nhiễm môi trường do hậu quả chiến tranh; tập trung khắc phục, cải thiện tình trạng ô nhiễm môi trường do hậu quả chiến tranh; tập trung khắc phục, cải thiện tình trạng ô nhiễm môi trường ở các đô thị, các cụm công nghiệp, làng nghề, lĩnh vực sông, nhất là những cơ sở ô nhiễm nghiêm trọng. Kiểm soát tốt tác động môi trường của các dự án khai thác tài nguyên; thực hiện nguyên tắc đối tượng gây ô nhiễm môi trường phải trả chi phí để xử lý, khắc phục hậu quả, cải tạo và phục hồi môi trường; đối tượng được hưởng lợi từ tài nguyên, môi trường phải có nghĩa vụ đóng góp để đầu tư trở lại cho bảo vệ môi trường [11, T1, tr.274-275].

3.2.2.2. Kết quả thực hiện

Tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường là vấn đề sống còn của đất nước, là nhiệm vụ có tính xã hội sâu sắc, gắn liền với quá trình phát triển kinh tế - xã hội. Đây là nhiệm vụ luôn được Đảng và Nhà nước coi trọng

từ khi thực hiện chủ trương công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Thực hiện chủ trương của Đảng từ năm 2011 đến nay, phát triển kinh tế - xã hội gắn với bảo vệ tài nguyên - môi trường đạt được những kết quả quan trọng.

Công tác quản lý nhà nước và thực thi chính sách, pháp luật về bảo vệ môi trường từ Trung ương đến địa phương được tăng cường. Quốc hội đã thông qua Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17 tháng 11 năm 2020, tiếp đó là Văn bản hợp nhất số 21/VBHN-VPQH Luật Bảo vệ môi trường. Tại khoản 2 và 3 của Điều 4 quy định nguyên tắc bảo vệ môi trường: 2) Bảo vệ môi trường là điều kiện, nền tảng, yếu tố trung tâm, tiên quyết cho phát triển kinh tế - xã hội bền vững. Hoạt động bảo vệ môi trường phải gắn kết với phát triển kinh tế, quản lý tài nguyên và được xem xét, đánh giá trong quá trình thực hiện các hoạt động phát triển. 3) Bảo vệ môi trường gắn kết hài hòa với an sinh xã hội, quyền trẻ em, bình đẳng giới, bảo đảm quyền mọi người được sống trong môi trường trong lành.

Kinh tế tăng trưởng nhanh, ổn định với tốc độ tăng trưởng bình quân trong 35 năm đổi mới đạt từ 6,5 - 7%. Quy mô GDP không ngừng được mở rộng, năm 2020 đạt 342,7 tỷ đô la Mỹ (USD), trở thành nền kinh tế lớn thứ tư trong ASEAN. Thu nhập bình quân đầu người tăng khoảng 17 lần, lên mức 3.512 USD; Việt Nam đã ra khỏi các nước có thu nhập thấp từ năm 2008 [32, tr.31]. Tăng trưởng kinh tế năm 2022 của Việt Nam đạt 8,05% [31, tr.10]. Cùng với quá trình phát triển kinh tế, việc xây dựng và hoàn thiện hệ thống an sinh xã hội toàn diện và đa dạng, ngày càng được mở rộng và hiệu quả. Bảo hiểm xã hội tạo bước đột phá về số lượng người tham gia qua các năm bao gồm cả bảo hiểm bắt buộc, bảo hiểm tự nguyện, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế. Mức phụ cấp ưu đãi người có công được điều chỉnh phù hợp với lộ trình điều chỉnh tăng mức tiền lương cơ sở. Công tác chăm lo đời sống gia đình người có công với cách mạng đã thu hút được sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị. Đến

năm 2020, đã bảo đảm 99,5% gia đình người có công có mức sống bằng hoặc cao hơn mức trung bình của dân cư trên đại bàn cư trú.

Để bảo đảm cho sự phát triển kinh tế - xã hội bền vững, thực hiện bảo vệ tài nguyên - môi trường cũng đạt được những kết quả cơ bản. Chính sách, pháp luật về bảo vệ tài nguyên - môi trường từng bước được bổ sung và hoàn thiện. Việc ban hành luật và tổ chức thực hiện các quy định của pháp luật, các công cụ, biện pháp quản lý nhà nước về bảo vệ tài nguyên - môi trường được đẩy mạnh. Công tác thanh tra, kiểm tra được tăng cường, đã kịp thời phát hiện và xử phạt vi phạm hành chính đối với hàng nghìn tổ chức, đồng thời buộc các đối tượng vi phạm thực hiện các biện pháp khắc phục hậu quả và bồi thường thiệt hại. Qua đó, nhiều vấn đề môi trường đã được xử lý, mức độ gia tăng ô nhiễm môi trường chậm lại. Tuy nhiên, môi trường nước ta đang chịu nhiều áp lực lớn từ các hoạt động phát triển kinh tế - xã hội trong nước, sức ép cạnh tranh của quá trình hội nhập quốc tế cùng các tác động xuyên biên giới. Hàng năm, có hơn 2.000 dự án đầu tư thuộc đối tượng phải lập báo cáo đánh giá tác động môi trường nếu không được đánh giá một cách đầy đủ, toàn diện và thực hiện các biện pháp phòng ngừa, kiểm soát hiệu quả thì sẽ là những nguy cơ rất lớn đến tài nguyên - môi trường Việt Nam.

Từ thực tiễn trên có thể đúc kết một số nội dung kinh nghiệm trong quá trình lãnh đạo của Đảng về giải quyết mối quan hệ giữa phát triển kinh tế - xã hội với bảo vệ tài nguyên - môi trường. Nội dung kinh nghiệm của giai đoạn 2011 - 2020 có tầm quan trọng và thật sự cần thiết trong giai đoạn hiện nay nhằm hiện thực hóa mục tiêu tại Đại hội XIII của Đảng đề: “Đến năm 2030, cơ bản đạt các mục tiêu phát triển bền vững về tài nguyên, môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu” [11, T1, tr.276].

CHƯƠNG 4. NỘI DUNG KINH NGHIỆM VỀ GIẢI QUYẾT MỐI QUAN HỆ GIỮA PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VỚI BẢO VỆ TÀI NGUYÊN - MÔI TRƯỜNG TRONG QUÁ TRÌNH LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG (2011 - 2020)

4.1. Nhận thức đúng vị trí, vai trò của tài nguyên - môi trường đối với sự phát triển kinh tế - xã hội và sự thống nhất giữa phát triển kinh tế - xã hội với bảo vệ tài nguyên - môi trường trong hoạch định đường lối của Đảng

Con người - tự nhiên - xã hội là một hệ thống thống nhất, giữa chúng luôn có sự tác động qua lại lẫn nhau, mỗi yếu tố đều giữ một vị trí, vai trò nhất định đối với các yếu tố còn lại, vậy nên khó có thể xác định đâu là yếu tố quan trọng nhất. Kinh tế - xã hội phát triển có tác động lớn đến sự thay đổi về cấu trúc và xu hướng bền vững của tài nguyên - môi trường tự nhiên; ngược lại, tài nguyên - môi trường tự nhiên giữ một vai trò quan trọng đối với quá trình phát triển kinh tế - xã hội. Do đó, nếu tài nguyên - môi trường được bảo vệ sẽ tạo ra những tiền đề cần thiết để thúc đẩy kinh tế tăng trưởng và ngược lại, nếu tài nguyên - môi trường không được bảo vệ sẽ là nguyên nhân cản trở sự phát triển kinh tế - xã hội.

Trong quá trình tiến hóa và phát triển của xã hội loài người, con người khai thác tài nguyên để sản xuất hàng hóa phục vụ nhu cầu của cuộc sống, chất lượng cuộc sống luôn được cải thiện, công cụ và phương thức sản xuất cũng được cải tiến để khai thác, sử dụng tài nguyên thiên nhiên nhiều hơn, hậu quả tất yếu là sự suy thoái, cạn kiệt tài nguyên và ô nhiễm môi trường ngày càng lớn hơn và nhân loại đang phải đối mặt với thảm cảnh suy thoái tài nguyên - môi trường.

Tài nguyên - môi trường ở nhiều nơi trên thế giới bị cạn kiệt và ô nhiễm nghiêm trọng gây cản trở sự phát triển kinh tế - xã hội, đe dọa sự sống của con người và các sinh vật khác. Vì vậy, nước đã trở thành tâm điểm của nhiều diễn đàn lớn trên thế giới. Năm 1992, tại Hội nghị về Môi trường và Phát triển tổ chức

ở Rio de Janeiro (Brazil) đã đưa ra sáng kiến kỷ niệm ngày Nước Thế giới vào ngày 22/3 hàng năm. 10 năm sau, tại Hội nghị Thượng đỉnh Thế giới về Phát triển bền vững tổ chức ở Johannesburg (Nam Phi), nước được xếp ở vị trí cao nhất trong số 5 ưu tiên để phát triển bền vững, đó là: Nước, năng lượng, sức khỏe, nông nghiệp và sự đa dạng sinh học.

Một trong những nguyên nhân dẫn đến nhiều vấn đề bức xúc về tài nguyên - môi trường chậm được giải quyết chính là do những đảng viên, cán bộ có trách nhiệm ở các cơ quan quyền lực của Đảng và Nhà nước chưa nhận thức thấu đáo về vấn đề tài nguyên - môi trường. Nhưng, một nguyên nhân khác và là lỗi hỏng rất quan trọng gây ra nạn ô nhiễm môi trường, cạn kiệt tài nguyên là chất lượng bộ máy, cơ chế kiểm soát và ràng buộc trách nhiệm. Vấn đề tài nguyên - môi trường hoàn toàn có thể bị bỏ qua nếu cơ chế lỏng lẻo. Doanh nghiệp cả trong nước và nước ngoài luôn có xu hướng tìm kẽ hở của cơ chế và bộ máy quản lý để lách luật, theo đuổi lợi nhuận. Sự dễ dãi và lợi ích cũng là nguyên nhân dẫn đến bỏ qua quy định, hoặc điều chỉnh quy hoạch... theo hướng có lợi cho doanh nghiệp hoặc người phụ trách kiểm soát, bất lợi cho tài nguyên - môi trường. Vì vậy, nâng cao nhận thức của Đảng và Nhà nước về vị trí, vai trò của việc bảo vệ tài nguyên - môi trường trong đường lối phát triển kinh tế - xã hội và sự cần thiết kết hợp giữa phát triển kinh tế - xã hội với tài nguyên - môi trường trong hoạch định đường lối của Đảng là hết sức quan trọng và cấp thiết hiện nay.

Cũng xuất phát từ nhận thức chưa rõ về lãnh đạo, quản lý lĩnh vực tài nguyên - môi trường, nên đất nước đã trải qua hơn 30 năm đổi mới, nhưng tư duy coi trọng phát triển kinh tế vẫn được áp dụng trong quản lý phát triển xã hội và bảo vệ tài nguyên - môi trường. Vì là Đảng cầm quyền lãnh đạo cách mạng nên bất kỳ lĩnh vực nào cũng đều chịu sự chi phối từ các quyết định chính trị của Đảng, do đó để giải quyết tốt những vấn đề bức xúc trong lĩnh vực tài nguyên - môi trường đòi hỏi sự lãnh đạo của Đảng trên các mặt kinh tế, chính

trị, văn hóa, xã hội, đối ngoại... đều phải gắn với mục tiêu, nhiệm vụ bảo vệ tài nguyên - môi trường. Thực tế cho thấy, các nước phát triển ngay từ những thập niên cuối của thế kỷ XX đã coi trọng vấn đề bảo vệ tài nguyên - môi trường trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội, coi Kinh tế - Xã hội - Môi trường là ba trụ cột của sự phát triển bền vững; các nước kém phát triển và đang phát triển thường chú trọng đến tăng trưởng kinh tế, coi nhẹ hoặc không tập trung nguồn lực cho lĩnh vực tài nguyên - môi trường, tạo ra những khó khăn, bất ổn, bức xúc về tài nguyên - môi trường. Vậy nên, nhận thức đúng vị trí, vai trò của việc bảo vệ môi trường và quan tâm đúng mức đến công tác bảo vệ tài nguyên - môi trường là yêu cầu hết sức quan trọng và cấp thiết.

Bên cạnh đó, cũng phải nhận thức đúng đắn và đầy đủ tình hình thế giới hiện nay, bên cạnh những diễn biến tích cực tạo thuận lợi cho sự phát triển kinh tế - xã hội của các quốc gia thì những vấn đề toàn cầu về tài nguyên - môi trường, biến đổi khí hậu, nước biển dâng, thiên tai, dịch bệnh, thiếu nước... sẽ tiếp tục diễn biến phức tạp, tác động bất lợi đến lĩnh vực bảo vệ tài nguyên - môi trường của mỗi quốc gia. Để giải quyết tốt những yêu cầu đặt ra đối với công tác bảo vệ tài nguyên - môi trường ở Việt Nam đòi hỏi, một mặt phải tiếp tục đổi mới cả trong nhận thức và thực tiễn về vị trí, tầm quan trọng của tài nguyên - môi trường đối với sự phát triển kinh tế - xã hội và sự cần thiết phải kết hợp giữa phát triển kinh tế - xã hội với bảo vệ tài nguyên - môi trường; mặt khác, phải học tập kinh nghiệm quản lý và bảo vệ tài nguyên - môi trường của các nước để giải quyết thành công những vấn đề về suy thoái, cạn kiệt và ô nhiễm nguồn nước ở Việt Nam.

Ngày 15/11/2004, Bộ Chính trị đã ban hành Nghị quyết số 41-NQ/TW về “Bảo vệ môi trường trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa đất nước”. Quan điểm của Đảng về sự gắn kết chặt chẽ giữa phát triển kinh tế với xã hội và môi trường, nghĩa là sự phát triển không chỉ nhằm đạt mục tiêu tăng trưởng kinh tế mà còn phải kết hợp với tiến bộ xã hội và bảo vệ tài nguyên - môi

trường, để phát triển hôm nay không làm ảnh hưởng đến các thế hệ mai sau. Trong đó, nhiệm vụ tăng cường quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường được xác định rõ ràng, cụ thể.

Trong phát triển kinh tế - xã hội phải gắn với mục tiêu, nhiệm vụ bảo vệ tài nguyên - môi trường, lấy mục tiêu cao nhất là vì con người, vì sự phát triển bền vững. Chủ trương của Đảng xác định sự thống nhất giữa phát triển kinh tế - xã hội với bảo vệ tài nguyên - môi trường thể hiện rõ trong nhiệm vụ cụ thể của tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường, mỗi ngành kinh tế trong quá trình sản xuất, phát triển phải gắn với nhiệm vụ cụ thể về bảo vệ tài nguyên - môi trường, để thực hiện tiến bộ xã hội cũng phải gắn với nhiệm vụ cụ thể về bảo vệ tài nguyên - môi trường. Trong sản nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản phải hạn chế sử dụng hóa chất, đồng thời thu gom, xử lý hợp vệ sinh đối với những bao bì sử dụng hóa chất nhằm bảo đảm vệ sinh, an toàn môi trường đất nước, không khí; trong công nghiệp phải xử lý triệt để nước thải, chất thải đạt tiêu chuẩn môi trường trước khi xả thải nhằm bảo đảm sự trong sạch cho các dòng sông, ao, hồ... và các nguồn nước ngầm; trong giải quyết các vấn đề xã hội, thực hiện tiến bộ xã hội phải gắn với thực hiện tốt nhiệm vụ bảo vệ tài nguyên - môi trường. Như vậy, quá trình phát triển kinh tế - xã hội phải luôn thống nhất với việc bảo vệ tài nguyên - môi trường, giải quyết vấn đề bảo vệ tài nguyên - môi trường đúng đắn, hợp lý sẽ thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội, trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội thực hiện tốt các nhiệm vụ bảo vệ tài nguyên - môi trường sẽ góp phần cải thiện và nâng cao chất lượng cuộc sống. Quán triệt quan điểm thống nhất giữa phát triển kinh tế - xã hội với bảo vệ tài nguyên - môi trường là nhằm bảo đảm sự phát triển của ngày hôm nay, không phương hại đến sự phát triển của các thế hệ tương lai.

Thống nhất giữa phát triển kinh tế - xã hội với bảo vệ tài nguyên - môi trường nghĩa là, khi hoạch định các chủ trương, chính sách kinh tế - xã hội phải gắn với các mục tiêu bảo vệ tài nguyên - môi trường, không chạy theo

các mục tiêu kinh tế đơn thuần với bất cứ giá nào hay mục tiêu xã hội mà gây tổn hại đến tài nguyên - môi trường hoặc thậm chí hy sinh các mục tiêu về bảo vệ tài nguyên - môi trường để thực hiện mục tiêu kinh tế - xã hội. Mặt khác, các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp về quản lý, bảo vệ tài nguyên - môi trường phải dựa trên cơ sở và khả năng kinh tế - xã hội, đồng thời phải tạo nguồn lực cho sự phát triển kinh tế - xã hội.

Thực tế cho thấy, nếu ưu tiên phát triển kinh tế - xã hội coi nhẹ công tác bảo vệ tài nguyên - môi trường đến một thời điểm nào đó nguồn tài nguyên thiên nhiên cạn kiệt, môi trường ô nhiễm, nguồn nước không đủ phục vụ phát triển kinh tế, không bảo đảm thực hiện mục tiêu tiến bộ xã hội thì chính những vấn đề bức xúc về tài nguyên - môi trường không được giải quyết sẽ cản trở đến các mục tiêu tăng trưởng kinh tế, mục tiêu tiến bộ xã hội. Ngược lại, nếu ưu tiên bảo vệ tài nguyên - môi trường, bất chấp các bài toán tăng trưởng kinh tế và thực hiện tiến bộ xã hội thì sẽ không thể giải quyết được các vấn đề tài nguyên - môi trường, bởi lẽ phát triển kinh tế - xã hội là điều kiện để giải quyết các vấn đề về tài nguyên - môi trường.

Qua hơn 30 năm đổi mới cho thấy, trên cơ sở yêu cầu đặt ra từ thực tiễn đất nước, từ tổng kết thực tiễn công tác bảo vệ tài nguyên - môi trường trong quá trình công nghiệp hóa và tham khảo kinh nghiệm các nước trên thế giới, Đảng ta đã nhận thức đúng vị trí vai trò của việc bảo vệ tài nguyên - môi trường trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội và bước đầu giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa phát triển kinh tế - xã hội với bảo vệ tài nguyên - môi trường. Từ coi trọng phát triển kinh tế - xã hội coi nhẹ các vấn đề về tài nguyên - môi trường, Đảng đã đưa ra quan điểm phát triển, gắn phát triển kinh tế - xã hội với bảo vệ tài nguyên - môi trường. Tăng trưởng kinh tế gắn với bảo đảm tiến bộ xã hội và bảo vệ tài nguyên - môi trường thể hiện trong từng chính sách, chiến lược phát triển đất nước. Mặc dù, chủ trương của Đảng đã đặt vấn đề tài nguyên - môi trường về đúng vị trí trong quá trình phát triển song trong

quá trình thực hiện sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước vẫn còn dựa nhiều vào việc khai thác tài nguyên thiên nhiên, nhiều nguồn tài nguyên thiên nhiên vẫn tiếp tục bị khai thác cạn kiệt, sử dụng lãng phí và kém hiệu quả. Qua đó cho thấy, ngoài việc nhận thức đúng và đề ra chủ trương đúng về giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa phát triển kinh tế - xã hội với bảo vệ tài nguyên - môi trường, Đảng cần tăng cường sự chỉ đạo tổ chức thực hiện thông qua phát huy vai trò của Nhà nước và xã hội hóa việc thực hiện gắn phát triển kinh tế - xã hội với bảo vệ tài nguyên - môi trường.

Khi nói đến vai trò quyết định trong hoạch định chiến lược, chính sách phát triển và do đó quyết định đến tài nguyên - môi trường, thì cũng cần khẳng định vai trò quan trọng của các giai tầng xã hội - cư dân. Từng cá thể đơn lẻ không quyết định môi trường nhưng khi thực hiện chính sách kinh tế nhiều thành phần, khi Nhà nước nhận thức là lĩnh vực giàu tính tự phát, khó kiểm soát... thì ảnh hưởng của nó đến tài nguyên - môi trường là thường xuyên và quan trọng. Đó đó, Đảng và Nhà nước phải lưu ý đến lĩnh vực tài nguyên - môi trường. Bên cạnh quản lý nhà nước với sản xuất, kinh doanh của các thành phần kinh tế, bên cạnh việc chống “kinh doanh bẩn”, sử dụng tràn lan các chế phẩm công nghiệp, hóa học làm ô nhiễm nguồn đất, nước, không khí... phải tiến hành giáo dục thường xuyên ở các cấp song song với sự kiểm soát của luật pháp để bảo vệ tài nguyên - môi trường.

4.2. Phát huy vai trò của Nhà nước trong tổ chức thực hiện kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với bảo vệ tài nguyên - môi trường

Mặc dù công tác bảo vệ tài nguyên - môi trường ngày càng được Đảng quan tâm, coi trọng hơn, song thực trạng suy thoái tài nguyên, ô nhiễm môi trường tiếp tục lan rộng, có nơi ở mức độ trầm trọng, không những tại các khu công nghiệp, khu đô thị dân cư đông đúc mà cả ở những vùng nông thôn. Tài nguyên bị khai thác quá mức, thiếu sự kiểm soát, suy thoái, cạn kiệt, ô nhiễm môi trường nặng... Thực trạng đó đang có những tác động tiêu cực đến sự

phát triển kinh tế - xã hội, đòi hỏi phải giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa phát triển kinh tế - xã hội với bảo vệ tài nguyên - môi trường. Sự chỉ đạo thực hiện chủ trương của Đảng về bảo vệ tài nguyên - môi trường chủ yếu thông qua vai trò của Nhà nước. Do đó, kinh nghiệm về giải quyết mối quan hệ giữa phát triển kinh tế - xã hội với bảo vệ tài nguyên - môi trường cho thấy, trong quá trình chỉ đạo thực hiện, Đảng cần phát huy vai trò của Nhà nước để thực hiện kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với bảo vệ tài nguyên - môi trường.

Bảo vệ tài nguyên - môi trường trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội phải được coi là một lĩnh vực quan trọng, là cốt lõi của sự phát triển bền vững, được thể hiện trong từng chủ trương, chiến lược, chính sách phát triển kinh tế - xã hội. Đảng chỉ đạo thực hiện giải quyết mối quan hệ giữa phát triển kinh tế - xã hội với bảo vệ tài nguyên - môi trường thông qua việc phát huy vai trò của Nhà nước trong việc xác định nhiệm vụ, ra quyết định và thực thi các quyết định từ cấp trung ương cho đến địa phương để thực hiện kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với bảo vệ tài nguyên - môi trường nhằm tạo ra môi liên kết theo chiều dọc từ trên xuống dưới. Thực hiện sự phân cấp, phân công rõ ràng giữa các bộ phận trong hệ thống tổ chức bộ máy quản lý nhà nước, bảo vệ tài nguyên - môi trường trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội ở các cấp giữ vai trò quan trọng. Kinh nghiệm về quản lý, bảo vệ tài nguyên - môi trường của nhiều quốc gia cho thấy, nếu Nhà nước phân công rõ ràng chức năng, nhiệm vụ đối với từng bộ phận quản lý nhà nước sẽ tránh được sự chồng chéo giữa các cơ quan chức năng, các cấp với nhau, góp phần nâng cao ý thức trách nhiệm của từng bộ phận, từng cơ quan chức năng, từng cấp, bảo đảm cho cả bộ máy hoạt động tốt và đạt hiệu quả cao. Trước hết là người đứng đầu Quốc hội, Luật - Luật Hội tổ kiểm soát được quyền lực Chính phủ và các bộ.

Tuy nhiên, để duy trì sự hoạt động có hiệu quả của bộ máy quản lý nhà nước trong giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa phát triển kinh tế - xã hội với bảo vệ tài nguyên - môi trường đòi hỏi Nhà nước phải xây dựng được đội ngũ

cán bộ chuyên trách làm công tác quản lý thực hiện có hiệu quả trong việc kết hợp giữa phát triển kinh tế - xã hội với bảo vệ tài nguyên - môi trường. Trong bộ máy quản lý nhà nước, cơ quan và cán bộ quản lý chuyên trách có trách nhiệm và quyền hạn được luật hóa. Có đủ trách nhiệm và quyền hạn, đồng thời phải bị ràng buộc trách nhiệm nếu không làm tròn chức trách và nhiệm vụ, phải lấy kết quả bảo vệ tài nguyên - môi trường làm thước đo. Tiếp đó mới là phẩm chất và năng lực, nếu cán bộ đủ về số lượng, có năng lực, có những phẩm chất cần thiết thì họ sẽ biết đề ra và tổ chức thực hiện những chiến lược, kế hoạch, biện pháp về gắn phát triển kinh tế - xã hội với bảo vệ tài nguyên - môi trường; ngược lại, nếu đội ngũ mỏng, yếu về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ thì không thể đáp ứng được các đòi hỏi của thực tiễn. Bên cạnh đó, trong bối cảnh cuộc cách mạng khoa học và công nghệ phát triển mạnh mẽ, lao động trí tuệ ngày càng được đề cao, thì vấn đề xây dựng đội ngũ cán bộ chuyên trách quản lý việc gắn phát triển kinh tế - xã hội với bảo vệ tài nguyên - môi trường có đủ năng lực để áp dụng những thành tựu của khoa học và công nghệ vào quản lý, bảo vệ tài nguyên - môi trường, tham gia hoạch định chính sách, lựa chọn giải pháp, tổ chức quản lý, thực hiện là một trong những tiêu chí quan trọng, quyết định sự thành bại của tiến trình phát triển bền vững.

Thực tiễn quá trình chỉ đạo thực hiện cho thấy, Đảng đã phát huy vai trò của Nhà nước, thông qua Nhà nước từng bước kiện toàn bộ máy quản lý nhà nước và đội ngũ cán bộ quản lý bảo vệ tài nguyên - môi trường. Với chức năng và nhiệm vụ của mình, Nhà nước thực hiện quy hoạch gắn với đào tạo, phát triển đội ngũ cán bộ, công chức có trình độ cao để thường xuyên có được lực lượng cán bộ có chuyên môn vững vàng nhằm bảo đảm tính kế cận liên tục về con người, phù hợp với yêu cầu thực tiễn, với đặc thù quản lý nhà nước về phát triển kinh tế - xã hội kết hợp với bảo vệ tài nguyên - môi trường. Bên cạnh đó, các chủ trương của Đảng về bảo vệ tài nguyên - môi trường trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội đã được Nhà nước cụ thể hóa thành các

chính sách, chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội gắn với bảo vệ tài nguyên - môi trường và xây dựng hệ thống văn bản pháp luật nhằm giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa phát triển kinh tế - xã hội với bảo vệ tài nguyên - môi trường hướng đến sự phát triển bền vững.

Hiệu quả quản lý nhà nước về bảo vệ tài nguyên - môi trường còn phụ thuộc vào công tác nghiên cứu, triển khai, ứng dụng khoa học và công nghệ để thực hiện việc gắn phát triển kinh tế - xã hội với bảo vệ tài nguyên - môi trường nhằm đem lại hiệu quả cao.

Việc ứng dụng những thành tựu khoa học và công nghệ hiện đại vào sản xuất không những làm tăng hiệu quả sử dụng vốn, giúp kinh tế tăng trưởng nhanh và thực hiện tiến bộ xã hội, mà còn có lợi cho việc khai thác tài nguyên thiên nhiên, hướng việc khai thác tài nguyên thiên nhiên vào bảo vệ tài nguyên - môi trường. Ngày nay, các quốc gia có thể tái cấu trúc nền kinh tế, xây dựng kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn vật chất thân thiện với môi trường, một mặt, cũng là nhờ vào thành tựu của khoa học và công nghệ. Với tất cả những ưu điểm đó, đòi hỏi các quốc gia phải thường xuyên tiến hành nghiên cứu, tranh thủ ứng dụng ngày càng nhiều hơn và ở mức cao hơn những thành tựu của khoa học cũng như công nghệ hiện đại vào thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội và bảo vệ tài nguyên - môi trường. Do đó, Nhà nước phải ưu tiên cho các chính sách phát triển khoa học và công nghệ, phát huy vai trò của nhân tố con người để tạo ra động lực cho khoa học, công nghệ phát triển và tham gia tích cực vào quá trình gắn phát triển kinh tế - xã hội với bảo vệ tài nguyên - môi trường.

Việc mở rộng giao lưu, hợp tác quốc tế trên lĩnh vực bảo vệ tài nguyên - môi trường cũng là một trong những động thái tích cực khẳng định rõ sự chỉ đạo của Đảng thông qua việc phát huy vai trò của Nhà nước trong thực hiện kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với bảo vệ tài nguyên - môi trường. Trong quá trình thực hiện của mình để giải quyết tốt mối quan hệ giữa phát triển kinh

tế - xã hội với bảo vệ tài nguyên - môi trường, Nhà nước phải mở rộng giao lưu, hợp tác, học hỏi kinh nghiệm, chuyển giao công nghệ từ các nước phát triển nhằm thực hiện tốt chính sách mở cửa và giải quyết tốt các vấn đề tài nguyên - môi trường toàn cầu. Những kinh nghiệm về xây dựng nền kinh tế tuần hoàn vật chất, trong đó việc sử dụng sản phẩm tái chế là yếu tố hàng đầu để vừa bảo vệ tài nguyên - môi trường, vừa thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội hướng đến sự phát triển bền vững.

Trong khuôn khổ của việc giao lưu hợp tác quốc tế trên lĩnh vực gắn phát triển kinh tế - xã hội với bảo vệ tài nguyên - môi trường, còn có các chương trình, hội nghị quốc tế mà Chính phủ các nước tham gia ký kết. Hành động này vừa có thể tạo ra khuôn khổ pháp lý chung mang tính quốc tế quan trọng cho sự hợp tác, phát triển và bảo vệ tài nguyên - môi trường giữa các quốc gia trên thế giới; đồng thời vừa đem lại những điều kiện thuận lợi để các quốc gia có thêm nguồn lực cho công tác phòng chống ô nhiễm môi trường, cạn kiệt tài nguyên thiên nhiên; bên cạnh đó còn thể hiện việc thực hiện tốt nghĩa vụ quốc tế với tư cách là nước thành viên. Trên cơ sở đó, các quốc gia sẽ có thêm những điều kiện ràng buộc về mặt pháp lý quốc tế để xây dựng hệ thống pháp luật, xây dựng hệ thống cơ quan quản lý nhà nước của quốc gia mình nhằm thực hiện hiệu quả việc kết hợp giữa phát triển kinh tế - xã hội với bảo vệ tài nguyên - môi trường phù hợp với thông lệ và luật pháp quốc tế.

Bên cạnh đó, phát huy vai trò của Nhà nước trong việc thực hiện kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với bảo vệ tài nguyên - môi trường phải được thực hiện thông qua các hoạt động thanh tra, kiểm tra, giám sát, đây được coi là khâu không thể thiếu nhằm bảo đảm hiệu lực, hiệu quả của công tác quản lý nhà nước về bảo vệ tài nguyên - môi trường và trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội. Thanh tra, kiểm tra, giám sát là một khâu trong chu trình quản lý nhà nước về kết hợp giữa phát triển kinh tế - xã hội với bảo vệ tài nguyên - môi trường, bảo đảm gắn kết chặt chẽ giữa ba trụ cột cơ bản của phát triển

bền vững. Qua đó, nhà nước sẽ nắm được tình hình thực hiện việc gắn phát triển kinh tế - xã hội với bảo vệ tài nguyên - môi trường của quốc gia, so sánh với các tiêu chí phát triển bền vững của thế giới, từ đó, có những điều chỉnh về chính sách phát triển kinh tế - xã hội, bảo vệ tài nguyên - môi trường cho phù hợp với các tiêu chí quốc tế.

Hoạt động thanh tra, kiểm tra, giám sát còn giúp phòng ngừa, phát hiện và kịp thời xử lý các hành vi vi phạm pháp luật về gắn phát triển kinh tế - xã hội với bảo vệ tài nguyên - môi trường. Tăng trưởng kinh tế là mục tiêu quan trọng mà các chủ thể kinh tế muốn đạt được, vì thế, họ sẵn sàng hy sinh mục tiêu tài nguyên - môi trường. Trong quá trình sản xuất kinh doanh, nhiều chủ thể kinh tế còn tìm mọi cách đối phó với các cơ quan pháp luật bằng nhiều cách thức khác nhau để đạt mục đích kinh tế. Pháp luật dù rất nghiêm minh nhưng người thực hiện đôi khi lại không mang tính chuẩn mực, do vậy, nhất thiết phải có hoạt động thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thực thi pháp luật của các tổ chức, doanh nghiệp và cá nhân.

Thực tiễn cho thấy, hoạt động thanh tra, kiểm tra, giám sát về gắn phát triển kinh tế - xã hội với bảo vệ tài nguyên - môi trường bước đầu đã được thực hiện, góp phần phòng ngừa, phát hiện những kẽ hở trong cơ chế quản lý, chính sách, pháp luật để kiến nghị với cơ quan nhà nước có thẩm quyền các biện pháp khắc phục; phát huy nhân tố tích cực góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả của hoạt động quản lý nhà nước; bảo vệ lợi ích của nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội; phát hiện khiếm khuyết trong cơ chế, chính sách làm phát sinh những vấn đề tiêu cực, báo cáo kịp thời để Nhà nước điều chỉnh cơ chế, chính sách phù hợp với thực tiễn; đồng thời, những kết quả thanh tra, kiểm tra là cơ sở quan trọng để Đảng có những điều chỉnh chủ trương, đường lối kịp thời, phù hợp trong lãnh đạo phát triển kinh tế - xã hội gắn với bảo vệ tài nguyên - môi trường hướng đến sự phát triển bền vững.

4.3. Tạo sự đồng thuận xã hội, nâng cao trách nhiệm của cá nhân và các tổ chức để thực hiện kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với bảo vệ tài nguyên - môi trường

Trong xã hội hiện đại, phát triển kinh tế - xã hội là điều thiết yếu để phát triển, nhưng sự phát triển ấy phải hướng tới sự phát triển bền vững, nghĩa là phải gắn với bảo vệ tài nguyên - môi trường để phát triển hôm nay không gây tổn hại đến các thế hệ mai sau. Bởi thế, chính sách tăng trưởng kinh tế phải gắn với chính sách phát triển bền vững về xã hội và chính sách bảo vệ tài nguyên - môi trường. Mọi kế hoạch, dự án, chính sách phát triển kinh tế đòi hỏi phải tính đến mục đích, hệ quả xã hội và môi trường. Cũng như vậy, việc giải quyết các vấn đề xã hội và môi trường không thể tách rời kinh tế, vượt trước các điều kiện, các nguồn lực mà nền kinh tế có thể đáp ứng. Để phát triển kinh tế - xã hội và bảo vệ tài nguyên - môi trường cần có một nhà nước đủ mạnh, nhưng đồng thời phải có sự đồng thuận của toàn xã hội, nâng cao trách nhiệm xã hội của cá nhân và các tổ chức, các doanh nghiệp vào giám sát, kiểm tra hoạt động của bộ máy quản lý nhà nước trong quá trình phát triển kinh tế, thực hiện tiến bộ xã hội và bảo vệ tài nguyên - môi trường; về kết hợp giữa phát triển kinh tế - xã hội với bảo vệ tài nguyên - môi trường.

Với tư cách là những hệ giá trị cơ bản của xã hội, đồng thuận xã hội sẽ tạo ra nền tảng trong việc kết hợp giữa phát triển kinh tế - xã hội với bảo vệ tài nguyên - môi trường, tạo nên sức mạnh của sự liên kết và hợp tác giữa các cơ quan quản lý nhà nước với các cá nhân, các tổ chức và cả cộng đồng, nâng cao trách nhiệm xã hội, từ đó có những đóng góp thiết thực vào bảo vệ tài nguyên - môi trường sẽ đem lại lợi ích cho toàn thể xã hội và chỉ khi nào có sự tham gia, đồng sức, đồng lòng của toàn xã hội vào công tác bảo vệ tài nguyên - môi trường trong quá trình phát triển kinh tế, thực hiện tiến bộ xã hội thì vấn đề tài nguyên - môi trường mới được giải quyết triệt để và được bảo vệ an toàn. Ngược lại, nếu không tạo được sự đồng thuận xã hội trong việc

thực hiện phát triển kinh tế - xã hội gắn với bảo vệ tài nguyên - môi trường sẽ dẫn đến tình trạng mất ổn định, rối loạn, đình đốn trong các hoạt động sản xuất, ảnh hưởng xấu đến tăng trưởng kinh tế, đến ổn định xã hội và bảo vệ tài nguyên - môi trường.

Để tạo ra sự đồng thuận xã hội, Đảng và Nhà nước phải coi trọng nâng cao trách nhiệm xã hội của các cá nhân, các tổ chức, các doanh nghiệp trong quá trình thực hiện kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với bảo vệ tài nguyên - môi trường nhằm phát huy sức mạnh của cả cộng đồng xã hội tham gia. Trách nhiệm xã hội của cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp được hiểu như là nghĩa vụ mà mỗi cá nhân, mỗi tổ chức, mỗi doanh nghiệp phải gánh vác, thực hiện, là nghĩa vụ mà các cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp không những phải làm mà còn phải làm tốt, không những buộc phải làm mà còn phải chịu sự giám sát của các cơ quan quản lý nhà nước, các cơ quan chức năng và của toàn xã hội. Với nghĩa này, nếu trong quá trình tham gia các hoạt động phát triển kinh tế - xã hội và bảo vệ tài nguyên - môi trường, mọi cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp trong xã hội luôn nhận thức đầy đủ về trách nhiệm của mình và có ý thức tự giác trong việc thực hiện nghĩa vụ, trách nhiệm xã hội, đặc biệt nếu các cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp có tinh thần độc lập, tự chủ, tự giác và sáng tạo, sẵn sàng hợp tác với các cá nhân, các tổ chức, các doanh nghiệp khác thì chắc chắn kinh tế sẽ phát triển, xã hội sẽ ổn định và tiến bộ, tài nguyên - môi trường sẽ được bảo vệ.

Tuy nhiên, trong thực tế để tạo sự đồng thuận trong thực hiện gắn phát triển kinh tế - xã hội với bảo vệ tài nguyên - môi trường là rất khó khăn, bởi lẽ còn có những lực lượng xã hội đối lập nhau về mặt lợi ích. Khi mỗi lực lượng xã hội theo đuổi mục đích riêng của mình dễ làm cho nhận thức, quan điểm của họ về phát triển kinh tế - xã hội và về bảo vệ tài nguyên - môi trường đối lập nhau. Chẳng hạn, các nhà hoạt động trong lĩnh vực bảo vệ tài nguyên - môi trường thì chỉ quan tâm đến việc làm thế nào để có thể bảo vệ tài nguyên

- môi trường một cách tốt nhất, thậm chí phải hy sinh cả phát triển kinh tế - xã hội; các doanh nghiệp, các cơ sở sản xuất kinh doanh thì vì lợi ích kinh tế mà sẵn sàng bỏ qua các giá trị của xã hội và giá trị của tài nguyên - môi trường, thờ ơ, không quan tâm, thậm chí vô trách nhiệm đối với công tác bảo vệ tài nguyên - môi trường; còn về phía người dân thì đa phần e ngại, né tránh vấn đề môi trường, thậm chí do thiếu hiểu biết về giá trị của tài nguyên - môi trường đối với sự phát triển kinh tế - xã hội, đối với sự sống của chính người dân, hoặc biết nhưng do được cho hưởng một chút lợi ích vật chất mà một số người dân đã sẵn sàng tiếp tay cho sự khai thác, tàn phá các nguồn tài nguyên thiên nhiên, gây ô nhiễm môi trường.

Thực tế cho thấy, mọi hoạt động của con người luôn hướng tới mục tiêu và lợi ích nhất định, đó là động lực trực tiếp để thúc đẩy con người hoạt động nhằm đạt được những lợi ích và mục tiêu của mình. Thông qua hoạt động tìm kiếm lợi ích đáp ứng nhu cầu của mình mà con người có quan hệ với nhau và có quan hệ với môi trường tự nhiên. Trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội, chính lợi ích vật chất mà con người mong muốn đạt được khi tiến hành khai thác tài nguyên thiên nhiên là nguyên nhân gây suy thoái, cạn kiệt tài nguyên, ô nhiễm môi trường. Trong nền kinh tế thị trường với phương châm lợi ích kinh tế được đặt lên hàng đầu, đã xuất hiện những lợi ích cục bộ như “lợi ích nhóm”, “lợi ích tập đoàn”, “lợi ích nhiệm kỳ”. Những lợi ích này dẫn các cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp đến chỗ vô cảm, “nhắm mắt làm ngơ” trước thực trạng tài nguyên - môi trường bị tàn phá, đó được coi là những vấn nạn đang lan tràn trên phạm vi rộng, ảnh hưởng tiêu cực tới phát triển bền vững.

Để điều hoà được lợi ích giữa các cá nhân, các nhóm xã hội khác nhau, tạo nên sự đồng thuận xã hội, nâng cao trách nhiệm của cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp thực hiện kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với bảo vệ tài nguyên - môi trường, Đảng và Nhà nước phải có những nỗ lực để phát huy sự đồng thuận của toàn xã hội, phát huy vai trò, trách nhiệm của các cá nhân, tổ chức, doanh

nghiệp vào bảo vệ tài nguyên - môi trường thông qua việc ban hành những quy định chung. Các quy định chung phải xác định rõ quyền lợi, nghĩa vụ và trách nhiệm buộc các tổ chức, doanh nghiệp và mọi người dân phải thực hiện trách nhiệm trong việc bảo vệ tài nguyên - môi trường. Đồng thời, Nhà nước còn phải ban hành các cơ chế, chính sách tạo điều kiện lôi cuốn, khuyến khích mọi tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân và toàn thể xã hội cùng tham gia, thực hiện. Nghĩa là phải tạo ra sự đồng thuận và đòi hỏi sự tự giác của tất cả mọi người, mọi tầng lớp dân cư, mọi tổ chức, doanh nghiệp cùng nhau gánh vác trách nhiệm để tăng trưởng kinh tế phải thực sự được gắn kết chặt chẽ với ổn định xã hội và bảo vệ tài nguyên - môi trường cho sự phát triển bền vững. Điều đó phải được thể hiện ngay trong tư duy, nhận thức của các nhà lãnh đạo của Đảng và Nhà nước và nhất thiết phải được thể hiện trong quan điểm, chủ trương của Đảng và hệ thống chính sách, pháp luật của Nhà nước; phải hợp lòng nhân dân, thuận ý nhân dân, được nhân dân ủng hộ; đồng thời phải được thực thi nhất quán trong hệ thống chính trị, ở mọi ngành, mọi cấp, mọi địa phương.

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

1. Kết luận

Phát triển kinh tế - xã hội gắn liền với bảo vệ tài nguyên - môi trường là yêu cầu khách quan và là một nhiệm vụ trọng yếu trong quá trình phát triển đất nước, nhằm hướng đến sự phát triển bền vững. Phát triển kinh tế - xã hội là điều kiện để thực hiện việc bảo vệ bảo vệ tài nguyên - môi trường; tài nguyên - môi trường được bảo vệ bền vững sẽ tạo nguồn lực thúc đẩy kinh tế - xã hội phát triển theo hướng bền vững.

Các mục tiêu và quan điểm về phát triển bền vững, phát triển kinh tế phải đi đôi với thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội và bảo vệ tài nguyên - môi trường do Đảng đề ra vừa mang tính khoa học, vừa phù hợp với điều kiện của đất nước và xu hướng phát triển chung của thế giới. Đó là định hướng quan trọng để Nhà nước kịp thời ban hành các chiến lược, kế hoạch, chính sách, văn bản pháp luật gắn phát triển kinh tế - xã hội với bảo vệ tài nguyên - môi trường.

Trong những năm 2011 - 2020, Đảng và Nhà nước rất chú trọng công tác bảo vệ tài nguyên - môi trường, đặc biệt coi trọng việc giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa phát triển kinh tế - xã hội với bảo vệ tài nguyên - môi trường nhằm hướng đến sự phát triển bền vững. Tuy nhiên, quá trình thực hiện vấn đề này còn những bất cập. Nhận thức chưa đúng và đầy đủ về tầm quan trọng của việc bảo vệ tài nguyên - môi trường cũng như sự cần thiết phải kết hợp giữa phát triển kinh tế - xã hội với bảo vệ tài nguyên - môi trường; trong quá trình thực hiện vẫn coi trọng phát triển kinh tế - xã hội và coi nhẹ vấn đề bảo vệ tài nguyên - môi trường, thậm chí coi tăng trưởng kinh tế mới là mục tiêu đích thực còn bảo vệ tài nguyên - môi trường chỉ là phương tiện cho việc đạt mục tiêu kinh tế hay tư duy theo kiểu “kinh tế trước, môi trường sau”.

Nội dung kinh nghiệm của Đảng trong lãnh đạo phát triển kinh tế - xã hội với bảo vệ tài nguyên - môi trường bao gồm: Một là, nhận thức đúng vị trí, vai trò của tài nguyên - môi trường đối với sự phát triển kinh tế - xã hội và sự

thống nhất giữa phát triển kinh tế - xã hội với bảo vệ tài nguyên - môi trường trong hoạch định đường lối của Đảng; hai là, phát huy vai trò của Nhà nước trong tổ chức thực hiện kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với bảo vệ tài nguyên - môi trường; ba là, tạo sự đồng thuận xã hội, nâng cao trách nhiệm của cá nhân và các tổ chức để thực hiện kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với bảo vệ tài nguyên - môi trường. Những nội dung kinh nghiệm đúc kết đó có thể vận dụng góp phần đưa đất nước vào đúng quỹ đạo của tiến trình phát triển bền vững trong những năm tiếp theo.

2. Kiến nghị

Một là, đối với Nhà trường tiếp tục có những định hướng, khuyến khích các công trình nghiên cứu, đặc biệt là các đề tài nghiên cứu khoa học gắn với các lĩnh vực đào tạo của Nhà trường; đồng thời, kết quả nghiên cứu của đề tài có thể tham khảo cho Nhà trường trong việc xây dựng chương trình đào tạo, mở mã ngành đào tạo phù hợp với yêu cầu của thực tiễn phát triển đất nước và theo đúng tinh thần của Đảng.

Hai là, đối với khoa Lý luận chính trị, chuyển giao kết quả nghiên cứu của đề tài làm tài liệu tham khảo cho giảng viên và sinh viên trong quá trình nghiên cứu, giảng dạy và học tập các học phần lý luận chính trị mà trước hết là học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam.

Ba là, đối với bộ môn Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, phổ biến và quán triệt kết quả nghiên cứu của đề tài cho toàn thể giảng viên trong bộ môn để lồng ghép trong giảng dạy chương 3 của chương trình môn học.

Bốn là, đối với giảng viên, tham khảo kết quả nghiên cứu của đề tài để lồng ghép nội dung kinh nghiệm của Đảng về phát triển kinh tế gắn với bảo vệ tài nguyên - môi trường trong bài giảng chương 3 cho phù hợp với nội dung chương trình của học phần, phù hợp với đối tượng đào tạo, phù hợp với chuẩn đầu ra của mỗi chuyên ngành đào tạo; qua đó, giúp sinh viên hiểu sâu sắc hơn

chủ trương của Đảng, từ đó nhận thức rõ ràng được trách nhiệm của chuyên ngành và bản thân đối với sự nghiệp cách mạng chung của đất nước. Cụ thể như:

- Đối với ngành quản lý đất đai, giảng viên cho sinh viên khai thác theo góc độ quản lý tài nguyên đất đai ở Việt Nam trong quá trình phát triển KT-XH (quản lý và sử dụng tài nguyên đất đai trong quá trình đô thị hóa, trong quy hoạch xây dựng các khu công nghiệp, đánh giá ưu điểm và tồn tại trong quản lý và sử dụng tài nguyên đất đai ở Việt Nam hiện nay...);

- Đối với ngành môi trường, giảng viên cho sinh viên tìm hiểu về phát triển “kinh tế xanh”, “kinh tế tuần hoàn”; vấn đề đánh giá tác động môi trường ở các khu công nghiệp, khu đô thị, làng nghề truyền thống; vấn đề xử lý rác thải, nước thải, khí thải; hay thực tế sự tác động của quá trình phát triển KT-XH đã ảnh hưởng tiêu cực đến vấn đề môi trường như thế nào....;

- Đối với ngành Luật, giảng viên cho sinh viên tìm hiểu về các chính sách, pháp luật của Nhà nước quy định về việc phát triển kinh tế, thực hiện tiến bộ xã hội phải gắn với bảo vệ TN-MT; các quy định, tiêu chuẩn về môi trường trong phát triển kinh tế và thực hiện tiến bộ xã hội...;

- Đối với ngành quản lý biển, giảng viên cho sinh viên tìm hiểu thực tế phát triển kinh tế biển ở Việt Nam hiện nay và những vấn đề đặt ra đối với người dân sống ven biển và trên đảo, vấn đề môi trường đặt ra trong quá trình phát triển kinh tế biển, vấn đề khai thác tài nguyên trên biển.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Thị Loan Anh (2019), “Phát triển bao trùm nhằm phát triển bền vững ở Việt Nam hiện nay”, *Tạp chí Cộng sản điện tử*, ngày 14/02/2019, <https://www.tapchicongsan.org.vn/kinh-te/-/2018/54143/phat-trien-bao-trum-nham-phat-trien-ben-vung-o-viet-nam-hien-nay.aspx>.
2. C.Mác-Ăngghen (1994), *Toàn tập*, tập 20, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
3. Đảng Cộng sản Việt Nam (1996), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
4. Đảng Cộng sản Việt Nam (2001), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
5. Đảng Cộng sản Việt Nam (2004), *Nghị quyết của Bộ Chính trị về bảo vệ môi trường trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước*, số 41-NQ/TW, ngày 15/11/2004.
6. Đảng Cộng sản Việt Nam (2006), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
7. Đảng Cộng sản Việt Nam (2009), *Chỉ thị của Ban Bí thư về Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết 41-NQ/TW của Bộ Chính trị (khóa IX) về bảo vệ môi trường trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước*, số 29-CT/TW, ngày 21/1/2009.
8. Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
9. Đảng Cộng sản Việt Nam (2013): *Văn kiện Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương khóa XI*, Văn phòng Trung ương Đảng, Hà Nội.
10. Đảng Cộng sản Việt Nam (2016), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Văn phòng Trung ương Đảng, Hà Nội.
11. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Tập 1, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

12. Phạm Ngọc Đăng (2019), *Môi trường và phát triển trong bối cảnh biến đổi khí hậu*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật - Hà Nội.
13. Lê Thị Thanh Hà (2012), *Vai trò của Nhà nước đối với việc bảo vệ môi trường trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông thôn ở Việt Nam hiện nay*, Luận án tiến sĩ triết học, Viện Triết học - Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.
14. Nguyễn Đức Hà (2015), *Phát triển kinh tế gắn với bảo vệ môi trường ở Việt Nam*, Luận án tiến sĩ Kinh tế chính trị, Học viện Chính trị - Bộ Quốc phòng, Hà Nội.
15. Hoàng Ngọc Hải (2024), “Chính sách công nghiệp xanh hướng tới sự phát triển bền vững ở Việt Nam”, Tạp chí Cộng sản điện tử, ngày 09/4/2024, https://tapchicongsan.org.vn/en_US/web/guest/trang-ia-phuong1/-/2018/910402/view_content#
16. Đoàn Thế Hanh (2023), “Phát triển bền vững, đảm bảo môi trường sống trong lành cho các thế hệ hiện tại và tương lai - Vấn đề cần được quan tâm trong bài viết “Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về CNXH và con đường đi lên CNXH ở Việt Nam” của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng”, <https://ubkttw.vn/danh-muc/dua-nghi-quiet-cua-dang-vao-cuoc-song/phat-trien-ben-vung-dam-bao-moi-truong-song-trong-lanh-cho-cac-the-he-hien-tai-va-tuong-lai-van-de-can-duoc-quan-tam-tro.html>.
17. Vũ Văn Hiền (2013), “Phát triển bền vững ở Việt Nam”, *Tạp chí Cộng sản*, số tháng 10.
18. Nguyễn Thị Khương (2014), *Vai trò của Nhà nước trong việc kết hợp giữa tăng trưởng kinh tế với bảo vệ môi trường sinh thái ở nước ta hiện nay*, Luận án tiến sĩ Triết học, Viện Triết học, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.
19. Nguyễn Văn Long, Đỗ Mạnh Hiền (2024), “Thúc đẩy hoạt động logistics xanh phục vụ mục tiêu phát triển kinh tế bền vững tại Việt Nam”, *Tạp chí Môi trường*, số 8, tr.53-58.

20. Ngô Thăng Lợi, Vũ Thành Hường (2015), *Phát triển bền vững ở Việt Nam trong bối cảnh mới của toàn cầu hóa, hội nhập quốc tế và biến đổi khí hậu*, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
21. Lê Quốc Lý (2014), “Tiêu chí và giải pháp cơ bản phát triển bền vững ở nước ta”, *Tạp chí Lý luận chính trị*, số 8.
22. Nguyễn Thị Miên, Trần Thị Tuyết Lan (2023), “Bảo đảm an ninh môi trường để phát triển bền vững kinh tế Việt Nam”, *Tạp chí Cộng sản điện tử*, ngày 10/10/2023, https://www.tapchicongsan.org.vn/web/guest/van_hoa_xa_hoi/-/2018/828838/bao-dam-an-ninh-moi-truong-de-phat-trien-ben-vung-kinh-te-viet-nam.aspx.
23. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 4, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
24. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 5, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
25. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 12, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
26. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 15, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
27. Trần Quang Phú (2024), “Thúc đẩy tăng trưởng kinh tế xanh trong ngành công nghiệp ở Việt Nam”, *Tạp chí Lý luận chính trị*, số 556, tr.83-88.
28. Nguyễn Hữu Sở (2009), *Phát triển kinh tế bền vững ở Việt Nam*, Luận án Tiến sĩ Kinh tế, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.
29. Nguyễn Việt Thanh (2023), “Quan điểm của Đảng về bảo vệ môi trường vì sự phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc”, *Tạp chí Lý luận chính trị điện tử*, ngày 17/9/2023, <https://lyluanchinhtri.vn/quan-diem-cua-dang-ve-bao-ve-moi-truong-vi-su-phat-trien-dat-nuoc-phon-ving-hanh-phuc-2.html>.
30. Mai Hoàng Thịnh (2017), “Phân tích mối quan hệ giữa môi trường và phát triển kinh tế ở Việt Nam”, *Tạp chí Công thương điện tử*, ngày 19/5/2017, <https://tapchicongthuong.vn/phan-tich-moi-quan-he-giua-moi-truong-va-phat-trien-kinh-te-o-viet-nam-47724.htm>.

31. Tổng cục Thống kê (2023), *Niên giám thống kê năm 2022*, NXB Thống kê, Hà Nội.
32. Nguyễn Phú Trọng (2022), *Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.